

SỞ GIAO DỊCH CHỨNG KHOÁN TP HỒ CHÍ MINH CẤP ĐĂNG KÝ NIÊM YẾT CHỨNG KHOÁN CHỈ CÓ NGHĨA LÀ VIỆC NIÊM YẾT CHỨNG KHOÁN ĐÃ THỰC HIỆN THEO CÁC QUY ĐỊNH CỦA PHÁP LUẬT LIÊN QUAN MÀ KHÔNG HÀM Ý ĐẢM BẢO GIÁ TRỊ CỦA CHỨNG KHOÁN. MỌI TUYÊN BỐ TRÁI VỚI ĐIỀU NÀY LÀ BẤT HỢP PHÁP.

BẢN CÁO BẠCH

CÔNG TY CỔ PHẦN CÔNG NGHỆ MẠNG VÀ TRUYỀN THÔNG



(Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh số 0103002543 do Sở Kế hoạch và Đầu tư thành phố Hà Nội cấp lần đầu ngày 15/07/2003, đăng ký thay đổi lần thứ 9 ngày 20 tháng 10 năm 2009)

NIÊM YẾT CỔ PHIẾU TRÊN SỞ

GIAO DỊCH CHỨNG KHOÁN TP HỒ CHÍ MINH

Giấy chứng nhận đăng ký niêm yết số/QĐ-SGDHCM

do Tổng Giám đốc Sở giao dịch chứng khoán TP.HCM cấp ngày.....tháng.....năm

TỔ CHỨC TƯ VẤN:



Bản cáo bạch này và tài liệu bổ sung sẽ được cung cấp tại các địa điểm sau:

CÔNG TY CỔ PHẦN CÔNG NGHỆ MẠNG VÀ TRUYỀN THÔNG

Trụ sở chính: Số 36 ngõ 68, đường Nguyễn Hồng, phường Láng Hạ, quận Đống Đa, tp Hà Nội

Website: www.infonet.com.vn **Điện thoại:** 04.3773.0793 **Fax:** 04.3773.0809

CÔNG TY TNHH MTV CHỨNG KHOÁN NGÂN HÀNG SÀI GÒN THƯƠNG TÍN – CHI NHÁNH HÀ NỘI

Trụ sở chính: 88 Lý Thường Kiệt, Hoàn Kiếm, Hà Nội

Website: www.sbsc.com.vn

Điện thoại: 04.3942.8076

Fax: 04.3941.0233

CÔNG TY TNHH CHỨNG KHOÁN NGÂN HÀNG SÀI GÒN THƯƠNG TÍN

Hội sở chính: 278 Nam Kỳ Khởi Nghĩa, phường 8, quận 3 thành phố Hồ Chí Minh **Website:** www.sbsc.com.vn

Điện thoại: (08) 62 68 68 68

Fax: (08) 62 55 59 39

Phụ trách công bố thông tin:

Ông: Lê Thành Trung

Chức vụ: Phó giám đốc kiêm Ủy viên Hội đồng quản trị

Điện thoại: 04.3773.0793

Fax: 04.3773.0809

CÔNG TY CỔ PHẦN CÔNG NGHỆ MẠNG VÀ TRUYỀN THÔNG

(Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh số 0103002543 do Sở Kế hoạch và Đầu tư Hà Nội cấp ngày 15 tháng 07 năm 2003 đăng ký thay đổi lần thứ 9 ngày 20 tháng 10 năm 2009)

NIÊM YẾT CỔ PHIẾU

TRÊN SỞ GIAO DỊCH CHỨNG KHOÁN TP HỒ CHÍ MINH

1. Tên cổ phiếu: **CỔ PHIẾU CÔNG TY CỔ PHẦN CÔNG NGHỆ MẠNG VÀ TRUYỀN THÔNG**
2. Loại cổ phiếu: Cổ phiếu phổ thông
3. Mệnh giá: 10.000 (Mười nghìn) đồng/cổ phiếu
4. Tổng số lượng cổ phiếu niêm yết: 8.000.000 (Tám triệu) cổ phiếu
5. Tổng giá trị niêm yết theo mệnh giá: 80.000.000.000 (Tám mươi tỷ) đồng

TỔ CHỨC KIỂM TOÁN

CÔNG TY TNHH KIỂM TOÁN VÀ TƯ VẤN THĂNG LONG

Trụ sở chính: Số 23/61 đường Trần Duy Hưng
Điện thoại: 04.6251.0008 Fax: 04.6251.1327
Website: www.thanglongaudit.com

TỔ CHỨC TƯ VẤN

CÔNG TY TNHH MTV CHỨNG KHOÁN SÀI GÒN THƯƠNG TÍN – CHI NHÁNH HÀ NỘI

Trụ sở chính: số 88 Lý Thường Kiệt, quận Hoàn Kiếm, Hà Nội
Điện thoại: 04.3942.8076 Fax: 04.3941.0233
Website: www.sbbsc.com.vn

CÔNG TY TNHH CHỨNG KHOÁN NGÂN HÀNG SÀI GÒN THƯƠNG TÍN

Hội sở chính: 278 Nam Kỳ Khởi Nghĩa, phường 8, quận 3 thành phố Hồ Chí Minh
Điện thoại: (08) 62 68 68 68 Fax: (08) 62 55 59 39

MỤC LỤC

Trang số

I.	CÁC NHÂN TỐ RỦI RO	5
1.	RỦI RO VỀ KINH TẾ	5
2.	RỦI RO VỀ MẶT LUẬT PHÁP	5
3.	RỦI RO ĐẶC THÙ TRONG HOẠT ĐỘNG KINH DOANH	5
4.	RỦI RO VIỆC NIÊM YẾT CỔ PHIẾU	6
5.	RỦI RO KHÁC	6
II.	NHỮNG NGƯỜI CHỊU TRÁCH NHIỆM CHÍNH ĐỐI VỚI NỘI DUNG BẢN CÁO BẠCH	7
1.	TỔ CHỨC NIÊM YẾT	7
2.	TỔ CHỨC TƯ VẤN	7
III.	CÁC KHÁI NIỆM	8
IV.	TÌNH HÌNH VÀ ĐẶC ĐIỂM CỦA TỔ CHỨC NIÊM YẾT	11
1.	TÓM TẮT QUÁ TRÌNH HÌNH HÀNH VÀ PHÁT TRIỂN	11
2.	CƠ CẤU TỔ CHỨC	13
3.	BỘ MÁY QUẢN LÝ	14
4.	DANH SÁCH CỔ ĐÔNG NẮM GIỮ TỪ TRÊN 5% VỐN CỔ PHẦN CỦA CÔNG TY, DANH SÁCH CỔ ĐÔNG SÁNG LẬP VÀ TỶ LỆ CỔ PHẦN NẮM GIỮ, CƠ CẤU CỔ ĐÔNG	20
5.	DANH SÁCH NHỮNG CÔNG TY MẸ VÀ CÔNG TY CON CỦA TỔ CHỨC ĐĂNG KÝ NIÊM YẾT, NHỮNG CÔNG TY MÀ TỔ CHỨC ĐĂNG KÝ NIÊM YẾT ĐANG NẮM GIỮ QUYỀN KIỂM SOÁT HOẶC CỔ PHẦN CHI PHỐI, NHỮNG CÔNG TY NẮM QUYỀN KIỂM SOÁT HOẶC CỔ PHẦN CHI PHỐI ĐỐI VỚI TỔ CHỨC ĐĂNG KÝ NIÊM YẾT.	22
6.	HOẠT ĐỘNG KINH DOANH	23
7.	BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH	39
8.	VỊ THẾ CỦA CÔNG TY SO VỚI CÁC DOANH NGHIỆP KHÁC TRONG CÙNG NGÀNH	41
9.	CHÍNH SÁCH ĐỐI VỚI NGƯỜI LAO ĐỘNG	44
11.	TÌNH HÌNH HOẠT ĐỘNG TÀI CHÍNH	47
12.	SƠ YẾU LÝ LỊCH CÁC THÀNH VIÊN HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ, BAN KIỂM SOÁT, BAN GIÁM ĐỐC, KẾ TOÁN TRƯỞNG	56
13.	TÀI SẢN	71
14.	KẾ HOẠCH SẢN XUẤT, KINH DOANH, LỢI NHUẬN VÀ CỔ TỨC TRONG NHỮNG NĂM TIẾP THEO 72	
15.	ĐÁNH GIÁ CỦA TỔ CHỨC TƯ VẤN VỀ KẾ HOẠCH LỢI NHUẬN - CỔ TỨC	74
16.	THÔNG TIN CÓ LIÊN QUAN VỀ NHỮNG CAM KẾT CHƯA THỰC HIỆN CỦA TỔ CHỨC NIÊM YẾT	75
17.	CÁC THÔNG TIN, CÁC TRANH CHẤP KIỆN TỤNG LIÊN QUAN TỚI CÔNG TY MÀ CÓ THỂ ẢNH HƯỞNG ĐẾN GIÁ CẢ CHỨNG KHOÁN	75

V.	CỔ PHIẾU NIÊM YẾT	76
1.	TÊN CỔ PHIẾU	76
2.	LOẠI CHỨNG KHOÁN	76
3.	MỆNH GIÁ.....	76
4.	TỔNG SỐ LƯỢNG ĐĂNG KÝ NIÊM YẾT	76
5.	TỔNG GIÁ TRỊ NIÊM YẾT THEO MỆNH GIÁ.....	76
6.	SỐ LƯỢNG CỔ PHIẾU BỊ HẠN CHẾ CHUYỂN NHƯỢNG THEO QUY ĐỊNH CỦA PHÁP LUẬT VÀ CỦA CÔNG TY	76
7.	PHƯƠNG PHÁP TÍNH GIÁ.....	77
8.	GIỚI HẠN VỀ TỶ LỆ NẮM GIỮ ĐỐI VỚI NGƯỜI NƯỚC NGOÀI	80
9.	CÁC LOẠI THUẾ CÓ LIÊN QUAN	81
VI.	CÁC ĐỐI TÁC LIÊN QUAN TỚI VIỆC NIÊM YẾT	82
1.	TỔ CHỨC TƯ VẤN	82
2.	TỔ CHỨC KIỂM TOÁN	82
VII.	PHỤ LỤC.....	83

I. CÁC NHÂN TỐ RỦI RO

1. RỦI RO VỀ KINH TẾ

Năm 2008, nền kinh tế suy thoái trầm trọng và đã ảnh hưởng trực tiếp tới nền kinh tế của Việt Nam. Lạm phát tăng cao, sự sụt giảm của thị trường chứng khoán, bong bóng bất động sản, xuất khẩu giảm, tình trạng thất nghiệp tăng... làm cho tốc độ tăng trưởng GDP của Việt Nam chỉ đạt được 6,23% (Nguồn: tổng cục thống kê). Trong những tháng đầu năm 2009, tình hình vẫn khó khăn, tuy nhiên kinh tế thế giới cũng như Việt Nam đã có dấu hiệu phục hồi so với năm 2008. Là một thực thể trong nền kinh tế, hoạt động của Công ty cũng chịu tác động của những biến động của nền kinh tế. Suy thoái kinh tế là nguyên nhân khiến cho sức mua của nền kinh tế giảm làm cho việc đầu tư giảm, điều này dẫn đến việc tìm kiếm khách hàng đối với Công ty khó khăn hơn.

2. RỦI RO VỀ MẶT LUẬT PHÁP

Là một công ty Cổ phần, Công ty chịu sự điều chỉnh của hệ thống văn bản luật như luật doanh nghiệp, luật chứng khoán,...

Hệ thống văn bản pháp luật của Việt Nam còn chưa hoàn thiện, chưa đồng bộ và ổn định. Hơn nữa, khi ra nhập tổ chức thương mại thế giới (WTO) Việt Nam phải thực hiện một loạt các cam kết và hiện thực nó thông qua những chính sách, những văn bản pháp quy. Trong thời gian tới, để hoàn thiện hệ thống pháp luật, Nhà nước sẽ có những điều chỉnh và bổ sung nhất định, những thay đổi này sẽ tác động đến hoạt động của Công ty. Tuy nhiên Công ty sẽ theo dõi những thay đổi trên phương tiện thông tin đại chúng, các kênh thông tin của cơ quan chức năng, cập nhật đầy đủ và thực hiện theo những quy định liên quan đến hoạt động của Công ty.

3. RỦI RO ĐẶC THÙ TRONG HOẠT ĐỘNG KINH DOANH

Hoạt động kinh doanh chính của Công ty là cung cấp thiết bị và các giải pháp về công nghệ viễn thông và thông tin cho các nhà cung cấp và các doanh nghiệp. Công nghệ là một lĩnh vực phát triển nhanh và mạnh,

thay đổi từng ngày, từng giờ. Để cập nhật được với những biến đổi đó cũng là một thách thức đối với Công ty.

Công ty thường xuyên nhập khẩu các thiết bị của các nhà cung cấp nước ngoài nên chịu tác động của sự biến động tỷ giá. Tỷ giá USD/VND có xu hướng tăng, tuy nhiên thời gian gần đây đã khá ổn định. Để đối phó với sự biến động bất thường của tỷ giá, Công ty có thể sử dụng các công cụ phái sinh của các ngân hàng thương mại.

Công ty thường xuyên bị chiếm dụng vốn do phải ứng trước tiền hàng cho đối tác khiến chi phí vốn của Công ty tăng lên. Tuy nhiên, với uy tín ngày càng tăng, các khoản ứng trước sẽ được đàm phán giảm xuống. Ngoài ra, với đặc thù cần nhiều vốn lưu động cho hoạt động kinh doanh, các khoản vay của Công ty chủ yếu là vay ngắn hạn nên chịu ảnh hưởng của những biến động lãi suất của thị trường làm cho chi phí tài chính của Công ty cũng biến động.

4. RỦI RO VIỆC NIÊM YẾT CỔ PHIẾU

Việc niêm yết cổ phiếu trên thị trường chứng khoán tập trung sẽ đem lại những lợi ích cho Công ty và các cổ đông. Sau khi niêm yết, Công ty có thể quảng bá hình ảnh, thương hiệu cũng như uy tín của mình; tăng cường tính thanh khoản của cổ phiếu; tạo điều kiện cho Công ty tiếp cận thêm nguồn vốn dài hạn thông qua Thị trường Chứng khoán; hướng đến việc chuẩn hóa minh bạch hơn trong công tác quản trị, điều hành theo mô hình quản trị công ty hiện đại.

Tuy nhiên, những biến động giá cả cổ phiếu trên thị trường chứng khoán là khó tránh khỏi. Trên thực tế giá chứng khoán trên thị trường được quyết định bởi nhiều yếu tố như cung - cầu cổ phiếu; tình hình kinh tế - xã hội; sự thay đổi về chính sách kinh tế, các quy định pháp luật về chứng khoán; tâm lý của nhà đầu tư... Sự biến động của giá cổ phiếu có thể gây ảnh hưởng đến thương hiệu, giá trị của Công ty.

5. RỦI RO KHÁC

Các rủi ro như thiên tai, dịch họa, hoả hoạn, v.v... là những rủi ro bất khả kháng, nếu xảy ra sẽ gây thiệt hại đến hoạt động của Công ty.

II. NHỮNG NGƯỜI CHỊU TRÁCH NHIỆM CHÍNH ĐỐI VỚI NỘI DUNG BẢN CÁO BẠCH

1. TỔ CHỨC NIÊM YẾT

Các đại diện:

Ông	Trần Thanh Hải	Chức vụ:	Chủ tịch Hội đồng quản trị
Ông	Lê Ngọc Tú	Chức vụ:	Giám đốc
Bà	Chu Thị Hiền	Chức vụ:	Kế toán trưởng
Ông	Lê Bá Hoàng Quang	Chức vụ:	Trưởng Ban Kiểm soát

Chúng tôi đảm bảo rằng các thông tin và số liệu trong Bản cáo bạch này là phù hợp với thực tế mà chúng tôi được biết, hoặc đã điều tra, thu thập một cách hợp lý.

2. TỔ CHỨC TƯ VẤN

Đại diện theo pháp luật:

Ông	Đình Hoài Châu	Chức vụ:	Giám đốc chi nhánh
-----	-----------------------	----------	---------------------------

Bản cáo bạch này là một phần của Hồ sơ đăng ký niêm yết do Công ty TNHH MTV Chứng khoán Ngân hàng Sài Gòn Thương tín – chi nhánh Hà Nội tham gia lập trên cơ sở hợp đồng tư vấn với Công ty Cổ phần Công nghệ mạng và truyền thông. Chúng tôi đảm bảo rằng việc phân tích, đánh giá và lựa chọn ngôn từ trên Bản cáo bạch này đã được thực hiện một cách hợp lý và cẩn trọng dựa trên cơ sở các thông tin và số liệu do Công ty Cổ phần Công nghệ mạng và truyền thông cung cấp.

III. CÁC KHÁI NIỆM

Việt Nam	: Nước Cộng hòa Xã Hội Chủ nghĩa Việt Nam
Công ty	: Công ty Cổ phần Công nghệ mạng và truyền thông
Infonet	: Tên viết tắt của Công ty Cổ phần Công nghệ mạng và truyền thông
Cổ phiếu	: Cổ phiếu Công ty Công ty Cổ phần Công nghệ mạng và truyền thông
CTCP	: Công ty cổ phần
ĐKNY	: Đăng ký Niêm yết
Sacombank - SBS	: Tên viết tắt của Công ty TNHH MTV Chứng khoán Ngân hàng Sài Gòn Thương tín
UBCKNN	: Ủy ban Chứng khoán Nhà Nước
SGDCK	: Sở Giao dịch Chứng khoán thành phố Hồ Chí Minh
TTLKCK	: Trung tâm Lưu ký Chứng khoán
ĐHĐCĐ	: Đại hội đồng cổ đông
HĐQT	: Hội đồng quản trị
BGD	: Ban Giám đốc
BKS	: Ban kiểm soát
Thuế TNDN	: Thuế thu nhập doanh nghiệp
CBCNV	: Cán bộ công nhân viên
BCTC	: Báo cáo Tài chính
DTT	: Doanh thu thuần
TDTT	: Tổng doanh thu thuần
LNST	: Lợi nhuận sau thuế
ĐVT	: Đơn vị tính
VNĐ	: Đồng Việt Nam
Giấy CNĐKKD	: Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh

TNHH	: trách nhiệm hữu hạn
TNHH MTV	: trách nhiệm hữu hạn một thành viên
SDH (<i>Synchronous Digital Hierachy</i>)	: công nghệ truyền dẫn theo phân cấp đồng bộ
3G (<i>third-generation technology</i>)	: công nghệ truyền thông thế hệ thứ ba, cho phép truyền cả dữ liệu thoại và dữ liệu ngoài thoại (tải dữ liệu, gửi email, tin nhắn nhanh, hình ảnh...)
ATM (<i>Asynchronous Transfer Mode</i>)	: chế độ truyền không đồng bộ - là hệ thống chuyển mạch gói tiên tiến, có thể truyền đồng thời dữ liệu, âm thanh và hình ảnh số hoá trên cả mạng LAN và mạng WAN
IP (<i>Internet protocol</i>)	: giao thức liên mạng
VoIP (<i>Voice over Internet Protocol</i>)	: truyền giọng nói trên giao thức IP
NGN (<i>Next generation network</i>)	: mạng viễn thông thế hệ tiếp theo - là kiến trúc mạng trong đó mọi hình thức thông tin được truyền đi dưới dạng gói
ISDN (<i>Integrated Services Digital Network</i>)	: là mạng thông tin có thể đấu nối theo công nghệ số (digital) từ thuê bao chủ gọi và xử lý tất cả các loại dịch vụ thoại và phi thoại
MCU (<i>Multipoint Control Unit</i>)	: thiết bị dùng kết nối các cuộc hội thảo bằng hình ảnh
Enternet	: là một họ lớn và đa dạng gồm các công nghệ mạng dựa khung dữ liệu dành cho mạng LAN
TDM (<i>Time-division multiplexing</i>)	: ghép kênh phân thời - là kỹ thuật ghép kênh thường được sử dụng trong truyền dẫn số. Trong đó các kênh có cùng tần số được truyền trên cùng một đường truyền nhưng mỗi kênh được phân chia những khoảng thời gian(gọi là time slot:khe thời gian) khác nhau khi truyền
KVM switch (<i>Keyboard, Video, Mouse</i>):	: là thiết bị chuyển mạch tín hiệu của bàn phím, chuột và màn hình của nhiều máy chủ khác nhau vào một bàn phím, chuột và màn hình, giúp người quản trị hệ thống có thể truy cập và điều khiển nhiều máy tính hoặc

máy chủ một cách dễ dàng và thuận lợi

IV. TÌNH HÌNH VÀ ĐẶC ĐIỂM CỦA TỔ CHỨC NIÊM YẾT

1. TÓM TẮT QUÁ TRÌNH HÌNH THÀNH VÀ PHÁT TRIỂN

Giới thiệu chung

Tên công ty	:	CÔNG TY CỔ PHẦN CÔNG NGHỆ MẠNG VÀ TRUYỀN THÔNG
Tên Tiếng Anh	:	INFORMATION AND NETWORKING TECHNOLOGY JOINT STOCK COMPANY
Tên viết tắt tiếng Anh	:	INFONET.,JSC
Trụ sở chính	:	Số 36, ngõ 68 Nguyễn Hồng, phường Láng Hạ, quận Đống Đa, thành phố Hà Nội
Điện thoại	:	04.3773.0793
Fax	:	04.3773.0809
Tài khoản số	:	02 000 478 7863 tại Ngân hàng Sacombank chi nhánh Hà Nội
Giấy CNĐKKD	:	Số 0103002543 do Sở Kế hoạch và Đầu tư thành phố Hà Nội cấp ngày 15/7/2003 đăng ký thay đổi lần thứ 9 ngày 20/10/2009
Mã số thuế	:	0101122893
Vốn điều lệ	:	80.000.000.000 (Tám mươi tỷ) đồng

Quá trình tăng vốn:

Từ khi thành lập đến ngày 05/10/2009 Công ty cổ phần Công nghệ mạng và truyền thông đã tăng vốn từ 3 tỷ đồng lên 80 tỷ đồng với tiến trình như sau:

- Đợt 1: Từ năm 2003 đến 2006: phát hành cho cổ đông hiện hữu (03 cổ đông) tăng vốn điều lệ lên 8.400.000.000 đồng (31/12/2006).
- Đợt 2: Năm 2007-2008: phát hành cho cổ đông hiện hữu (03 cổ đông) tăng vốn điều lệ lên 16.500.000.000 đồng (31/12/2008)
- Đợt 3: năm 2009: phát hành cho cổ đông hiện hữu (03 cổ đông) tăng vốn điều lệ lên 25.000.000.000 đồng (30/3/2009)

- Đợt 4: năm 2009: phát hành riêng lẻ cho nhà đầu tư bên ngoài (03 nhà đầu tư) tăng vốn điều lệ lên 30.000.000.000 đồng (15/8/2009)
- Đợt 5: năm 2009: phát hành cho cổ đông hiện hữu (07 cổ đông) tăng vốn điều lệ lên 80.000.000.000 đồng (05/10/2009)

Trong các giai đoạn tăng vốn trên, Infonet chưa là công ty đại chúng nên toàn bộ việc tăng vốn đều thông qua Đại hội đồng cổ đông. Công ty đã đủ điều kiện trở thành công ty đại chúng và đã nộp hồ sơ lên UBCK ngày 30/10/2009. Ngày 01/12/2009, công ty đã nhận được công văn số 2739/UBCK-QLPH của Ủy ban chứng khoán Nhà nước thông báo hồ sơ công ty đại chúng của Infonet đã hợp lệ.

Lĩnh vực hoạt động chính:

- Tư vấn, xây dựng các giải pháp tổng thể về công nghệ tin học và viễn thông thích hợp với các nhu cầu và điều kiện thực tại của khách hàng, có tính toán tới các nhu cầu trong tương lai về mở rộng và phát triển.
- Tư vấn thiết kế các giải pháp phần mềm và lựa chọn công nghệ thích hợp phát triển hệ thống.
- Cung cấp thiết bị.
- Cung cấp phần mềm.
- Triển khai các dịch vụ cài đặt, cấu hình thiết bị, hỗ trợ kỹ thuật sau bán hàng và đào tạo.
- Cung cấp các dịch vụ bảo hành và bảo trì sau bán hàng theo yêu cầu của khách hàng.
- Cung cấp các dịch vụ hỗ trợ đặc biệt như thay thế nóng thiết bị, hỗ trợ kỹ thuật 24/7 theo yêu cầu của khách hàng.

Quá trình hình thành và phát triển

Công ty Cổ phần Công nghệ mạng và truyền thông Infonet được thành lập từ năm 2003 trên cơ sở kế thừa và tái cấu trúc công ty TNHH kỹ nghệ và thương mại tin học Toàn Cầu. Infonet được chuyển đổi theo luật doanh nghiệp với giấy phép kinh doanh số 0103002543 do Sở Kế hoạch và đầu tư thành phố Hà Nội cấp, chuyên kinh doanh thiết bị tin học, viễn thông, phần mềm, dịch vụ và giải pháp.

Mục đích của Công ty là phát triển thị trường công nghệ thông tin trong nước góp phần thúc đẩy tốc độ tăng

trường của ngành công nghệ thông tin – một lĩnh vực kinh doanh tương đối rộng mở và thu được lợi nhuận cao ở Việt Nam, tập trung vào xây dựng và phát triển các ứng dụng giải pháp tổng thể cho hệ thống ngân hàng, bưu điện, các công ty viễn thông và các doanh nghiệp,...

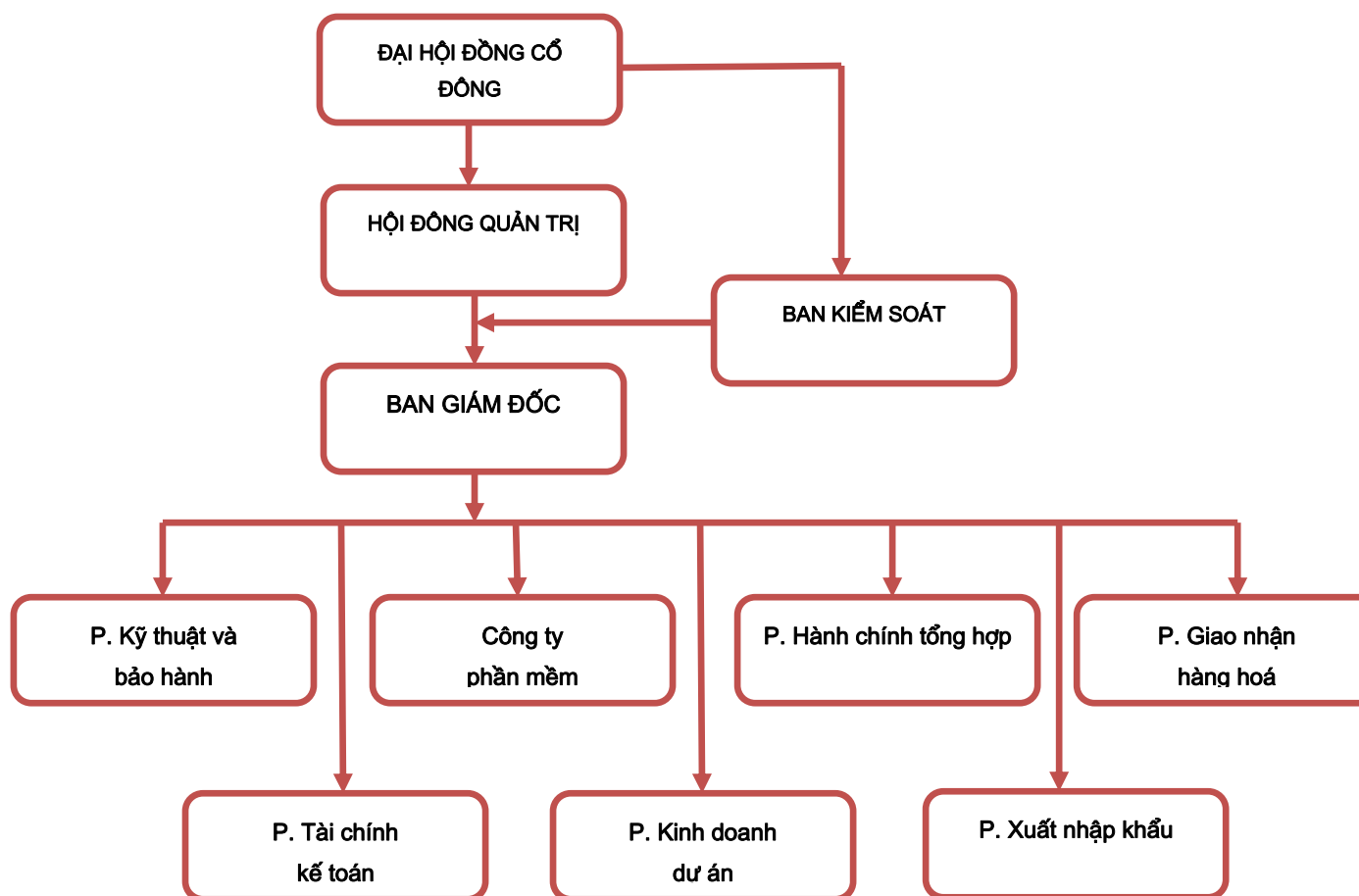
Với mục đích xây dựng Infonet trở thành một trong những Công ty hàng đầu về cung cấp thiết bị và giải pháp công nghệ thông tin và viễn thông, Infonet không ngừng mở rộng thị phần, cung cấp cho khách hàng dịch vụ hoàn hảo nhất.

2. CƠ CẤU TỔ CHỨC

Hiện tại mọi hoạt động của Công ty đều tập trung ở trụ sở chính số 36, ngõ 68 (nay là đường Trúc Khê) Nguyên Hồng, phường Láng Hạ, quận Đống Đa, thành phố Hà Nội.

3. BỘ MÁY QUẢN LÝ

3.1 Sơ đồ Cơ cấu bộ máy quản lý của Công ty Cổ phần Công nghệ mạng và truyền thông



3.2. Cơ cấu bộ máy quản lý của Công ty

Công ty Cổ phần Công nghệ mạng và truyền thông được tổ chức và hoạt động theo Luật doanh nghiệp số 60/2005/QH11 đã được Quốc hội nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam thông qua ngày 29 tháng 11 năm 2005, Điều lệ Tổ chức và Hoạt động của Công ty và các văn bản pháp luật khác có liên quan.

Cơ sở của hoạt động quản trị và điều hành Công ty là Điều lệ tổ chức và hoạt động được ĐHĐCĐ thông qua theo Nghị quyết số 04/2009/NQDHDĐCD ngày 25 tháng 9 năm 2009.

ĐẠI HỘI ĐỒNG CỔ ĐÔNG

ĐHĐCĐ là cơ quan có thẩm quyền cao nhất của Công ty, bao gồm tất cả các cổ đông có quyền bỏ phiếu hoặc người được cổ đông uỷ quyền. ĐHĐCĐ có nhiệm vụ:

- Thông qua kế hoạch phát triển của Công ty, thông qua báo cáo tài chính hàng năm, các báo cáo của Ban kiểm soát và của HĐQT;
- Thông qua sửa đổi, bổ sung Điều lệ;
- Quyết định số lượng thành viên của HĐQT;
- Bầu, bãi nhiệm, miễn nhiệm thành viên HĐQT và Ban kiểm soát; phê chuẩn việc HĐQT bổ nhiệm Giám đốc;
- Quyết định tăng, giảm vốn điều lệ, thông qua định hướng phát triển của Công ty, quyết định đầu tư hoặc bán số tài sản có giá trị bằng hoặc lớn hơn 50% tổng giá trị tài sản của Công ty tính theo báo cáo tài chính đã được kiểm toán gần nhất;
- Các quyền hạn và nhiệm vụ khác được quy định tại Điều lệ.

HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ

HĐQT gồm 05 thành viên với nhiệm kỳ hoạt động 05 năm. HĐQT là cơ quan có đầy đủ quyền hạn để thực hiện tất cả các quyền nhân danh Công ty, trừ những thẩm quyền thuộc về ĐHĐCĐ, bao gồm:

- Quyết định kế hoạch phát triển sản xuất kinh doanh và ngân sách hàng năm;
- Xác định mục tiêu hoạt động và mục tiêu chiến lược trên cơ sở các mục đích chiến lược do

ĐHĐCĐ thông qua;

- Bổ nhiệm và bãi nhiệm các người quản lý Công ty theo đề nghị của Giám đốc và quyết định mức lương của họ;
- Quyết định cơ cấu tổ chức của Công ty;
- Đề xuất mức cổ tức hàng năm và xác định mức cổ tức tạm thời, tổ chức việc chi trả cổ tức;
- Duyệt chương trình, nội dung tài liệu phục vụ họp ĐHĐCĐ, hoặc thực hiện các thủ tục hỏi ý kiến để ĐHĐCĐ thông qua quyết định;
- Đề xuất việc tái cơ cấu lại hoặc giải thể Công ty;
- Các quyền hạn và nhiệm vụ khác được quy định tại Điều lệ.

Danh sách các thành viên HĐQT:

- | | | |
|----|----------------------|---------------|
| 1. | Ông Trần Thanh Hải | Chủ tịch HĐQT |
| 2. | Ông Lê Ngọc Tú | Ủy viên HĐQT |
| 3. | Ông Lê Thành Trung | Ủy viên HĐQT |
| 4. | Ông Đinh Hoài Châu | Ủy viên HĐQT |
| 5. | Ông Nguyễn Hoàng Văn | Ủy viên HĐQT |

BAN KIỂM SOÁT

Ban Kiểm soát gồm 03 thành viên do ĐHĐCĐ bầu ra và bãi miễn nhiệm, có những quyền hạn và trách nhiệm sau đây:

- Thực hiện giám sát HĐQT, Giám đốc trong việc quản lý và điều hành công ty, chịu trách nhiệm trước ĐHĐCĐ trong việc thực hiện các nhiệm vụ được giao;
- Kiểm tra tính hợp lý, hợp pháp, tính trung thực và mức độ cẩn trọng trong quản lý, điều hành hoạt động kinh doanh, trong tổ chức công tác kế toán, thống kê và lập báo cáo tài chính;
- Thẩm định báo cáo tài chính, tình hình kinh doanh, báo cáo tài chính hàng năm và sáu tháng của Công ty, báo cáo đánh giá công tác quản lý của HĐQT;

- Trình báo cáo thẩm định, báo cáo tài chính, báo cáo tình hình kinh doanh hàng năm của Công ty và báo cáo đánh giá công tác quản lý của HĐQT lên ĐHĐCĐ tại cuộc họp thường niên;
- Kiến nghị HĐQT hoặc ĐHĐCĐ các biện pháp sửa đổi, bổ sung, cải tiến cơ cấu tổ chức quản lý, điều hành hoạt động kinh doanh của Công ty;
- Thực hiện các quyền và nhiệm vụ khác được quy định tại Điều lệ.

Danh sách các thành viên Ban kiểm soát:

- | | | |
|----|-----------------------|----------------|
| 1. | Ông Lê Bá Hoàng Quang | Trưởng BKS |
| 2. | Ông Lương Ngọc Tuấn | Thành viên BKS |
| 3. | Bà Trần Thị Mai Lan | Thành viên BKS |

BAN GIÁM ĐỐC

Ban Giám đốc do HĐQT bổ nhiệm, bao gồm 03 thành viên: 01 Giám đốc và 02 Phó Giám đốc.

Giám đốc là người quản lý, giám sát và điều hành mọi hoạt động sản xuất kinh doanh hàng ngày của Công ty. Giám đốc có các quyền và nhiệm vụ sau :

- Quản lý và điều hành các hoạt động, công việc hàng ngày của Công ty thuộc thẩm quyền của Giám đốc theo quy định của pháp luật và Điều lệ;
- Thực hiện các nghị quyết của HĐQT và ĐHĐCĐ, kế hoạch kinh doanh và kế hoạch đầu tư của Công ty đã được HĐQT và ĐHĐCĐ thông qua;
- Ký kết và tổ chức thực hiện các hợp đồng kinh tế, dân sự và các loại hợp đồng khác phục vụ cho hoạt động sản xuất kinh doanh và các hoạt động khác của Công ty;
- Quyết định bổ nhiệm, miễn nhiệm, khen thưởng, kỷ luật đối với các chức danh quản lý của Công ty mà không thuộc đối tượng do HĐQT bổ nhiệm;
- Tuyển dụng, thuê mướn và bố trí sử dụng người lao động theo quy định của HĐQT, phù hợp với quy định của pháp luật và phù hợp với nhu cầu sản xuất kinh doanh của Công ty. Quyết định mức lương, phụ cấp (nếu có) cho người lao động trong Công ty;

- Đại diện Công ty trước pháp luật, đại diện Công ty trong các tranh chấp có liên quan đến Công ty;
- Các quyền hạn và nhiệm vụ khác được quy định tại Điều lệ.

Giúp việc cho Giám đốc có 02 Phó Giám đốc

Danh sách Ban Giám đốc:

1. Ông Lê Ngọc Tú - Giám đốc
2. Ông Nguyễn Tuấn Anh - Phó Giám đốc
3. Ông Lê Thành Trung - Phó Giám đốc

PHÒNG BAN VÀ CÔNG TY CON

 Phòng kỹ thuật và bảo hành:

- Tư vấn, thiết kế, tích hợp hệ thống và chuyển giao công nghệ.
- Triển khai các dịch vụ cài đặt thiết bị, đào tạo, hỗ trợ và bảo hành bảo trì sau bán hàng.
- Nghiên cứu các dịch vụ, công nghệ mới
- Cung cấp các dịch vụ chuyên nghiệp theo yêu cầu của khách hàng.

 Công ty phần mềm

- Phát triển các phần mềm ứng dụng đặc thù theo yêu cầu của khách hàng.
- Triển khai các dịch vụ cài đặt, đào tạo, hỗ trợ kỹ thuật và nâng cao phiên bản sau bán hàng.
- Phối hợp với các đối tác phát triển các ứng dụng cho mạng 3G và mạng thế hệ mới NGN (Next Generation Network).
- Cung cấp các dịch vụ chuyên nghiệp theo yêu cầu của khách hàng.

 Phòng hành chính tổng hợp

- Xử lý các công việc hành chính thường ngày của công ty.
- Phối hợp với các phòng ban khác trong các hoạt động cụ thể như các hội thảo, các chương trình đào tạo, visa, hộ chiếu, đón tiếp đối tác,...

 Phòng kế toán

- Thực hiện các nghiệp vụ kế toán, các báo cáo và nghĩa vụ nộp thuế với nhà nước.
- Hoạch định các kế hoạch tài chính theo các kế hoạch kinh doanh và đầu tư của Công ty.
- Liên tục cập nhật các thay đổi và bổ sung của ngành thuế và tài chính.
- Quản lý tài sản của công ty, các khoản đầu tư, phân tích các dòng tiền đi và về nhằm điều chỉnh các kế hoạch đầu tư và kinh doanh.

 Phòng kinh doanh dự án

- Triển khai các hoạt động tiếp thị và quảng cáo trước bán hàng.
- Cung cấp thông tin cho khách hàng về các sản phẩm, giải pháp mạng và truyền thông.
- Phối hợp với các phòng ban xây dựng các giải pháp kỹ thuật và tài chính nhằm thỏa mãn nhu cầu và điều kiện của khách hàng.
- Lập dự toán, tư vấn các hạng mục kỹ thuật phát sinh, đề nghị sản phẩm và công nghệ sử dụng dựa trên nền mở, bảo vệ giá trị đầu tư cho khách hàng.
- Hỗ trợ khách hàng sau khi hoàn thành dự án.
- Xây dựng các hoạt động và chính sách kinh doanh cho các khách hàng và đối tác.
- Thực hiện các nghiệp vụ xuất nhập khẩu.

 Phòng xuất nhập khẩu

- Phối hợp với phòng dự án và phòng kế toán đảm bảo việc nhập hàng và mua hàng theo đúng tiến độ của dự án.

 Phòng giao nhận hàng hoá

- Đảm bảo việc giao và nhận hàng hoá diễn ra thuận lợi, đúng, đủ và chính xác.

4. DANH SÁCH CỔ ĐÔNG NẪM GIỮ TỪ TRÊN 5% VỐN CỔ PHẦN CỦA CÔNG TY, DANH SÁCH CỔ ĐÔNG SÁNG LẬP VÀ TỶ LỆ CỔ PHẦN NẪM GIỮ, CƠ CẤU CỔ ĐÔNG

4.1. Danh sách cổ đông nắm giữ từ trên 5% vốn cổ phần của Công ty tại ngày 09/12/2009

STT	Cổ đông	Địa chỉ	Số CMND/ ĐKKD	Số cổ phần nắm giữ (cổ phần)	Tỷ lệ nắm giữ (%)
1.	Lê Ngọc Tú	Tổ 24, phường Lĩnh Nam, quận Hoàng Mai, Hà Nội	011963841	1.280.000	16
2.	Trần Thanh Hải	Số 3 ngách 25/59 Vũ Ngọc Phan, Đống Đa, Hà Nội	B3342285	1.440.000	18
3.	Công ty TNHH 1TV Chứng khoán Ngân hàng Sài Gòn Thương Tín	278 Nam Kỳ Khởi Nghĩa, Phường 8, Quận 3, TP. Hồ Chí Minh	119/GPDC- UBCK	1.170.000	14,63*
4.	Nguyễn Đức Thuận	414 Cống Vị, Ba Đình, Hà Nội	012247073	896.660	11,21
5.	Tô Thị Hằng	Viện Thổ Nhưỡng Nông Hóa, Từ Liêm, Hà Nội	011738782	410.000	5,13
6.	Lê Thành Trung	Số 8 lô 3a, Trung Yên 11, khu đô thị Trung Yên, Trung Hòa, Cầu Giấy, Hà Nội	012847076	798.330	9,98
TỔNG CỘNG				5.994.990	74,94

(*: trong đó 9,63% là cổ phiếu Sacombank-SBS repo của khách hàng)

(Nguồn: CTCP Công nghệ mạng và truyền thông)

4.2. Danh sách cổ đông sáng lập:

STT	Tên	Địa chỉ	Số CMND/ ĐKKD	Số cổ phần nắm giữ (cổ phần)
-----	-----	---------	------------------	------------------------------------

BẢN CÁO BẠCH NIÊM YẾT CỔ PHIẾU
CÔNG TY CỔ PHẦN CÔNG NGHỆ MẠNG VÀ TRUYỀN THÔNG

STT	Tên	Địa chỉ	Số CMND/ ĐKKD	Số cổ phần nắm giữ (cổ phần)
1	Nguyễn Tuấn Anh	Phòng 3 DD2, thập thể Lâm Nghiệp phường Quỳnh Lôi, quận Hai Bà Trung, Hà Nội	011669094	0
2	Lê Ngọc Tú	Tổ 24, phường Lĩnh Nam, quận Hoàng Mai, Hà Nội	011963841	2.333.360
3	Nguyễn Văn Tuyến	Số 221 Quốc Bảo, thị trấn Văn Điển, huyện Thanh Trì, Hà Nội	012347341	0
4	Vũ Kim Anh	Thông Liên Phường, xã Phường Đông, thị xã Uông Bí, tỉnh Quảng Ninh	100728217	0
TỔNG CỘNG				2.333.360

(Nguồn: Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh số 0103002543 do Sở Kế hoạch & Đầu tư thành phố Hà Nội cấp ngày 15 tháng 07 năm 2003, thay đổi lần thứ 9 ngày 20/10/2009)

Công ty Cổ phần Công nghệ mạng và truyền thông thành lập từ năm 2003, được cấp Giấy Chứng nhận đăng ký kinh doanh lần đầu ngày 15 tháng 07 năm 2003. Như vậy, các cổ phần sáng lập không còn bị hạn chế chuyển nhượng kể từ thời điểm ngày 15 tháng 07 năm 2006.

4.3. Cơ cấu cổ đông của Công ty tại ngày 09/12/2009

STT	Cổ đông	Số lượng	Số lượng cổ phần (cổ phần)	Tỷ lệ sở hữu (%)
1.	Trong nước	109	8.000.000	100
	+ Cá nhân	108	6.830.000	85,375
	+ Tổ chức	1	1.170.000	14,625
2.	Nước ngoài			
	+ Cá nhân	0	0	0
	+ Tổ chức	0	0	0

STT	Cổ đông	Số lượng	Số lượng cổ phần (cổ phần)	Tỷ lệ sở hữu (%)
3.	Cổ phiếu quỹ	0	0	0
TỔNG SỐ		108	8.000.000	100

(Nguồn: CTCP Công nghệ mạng và truyền thông)

5. DANH SÁCH NHỮNG CÔNG TY MẸ VÀ CÔNG TY CON CỦA TỔ CHỨC ĐĂNG KÝ NIÊM YẾT, NHỮNG CÔNG TY MÀ TỔ CHỨC ĐĂNG KÝ NIÊM YẾT ĐANG NẮM GIỮ QUYỀN KIỂM SOÁT HOẶC CỔ PHẦN CHI PHỐI, NHỮNG CÔNG TY NẮM QUYỀN KIỂM SOÁT HOẶC CỔ PHẦN CHI PHỐI ĐỐI VỚI TỔ CHỨC ĐĂNG KÝ NIÊM YẾT.

5.1. Những công ty mẹ của Cổ phần Công nghệ mạng và truyền thông:

Công ty mẹ: Không có

5.2. Những công ty mà Công ty cổ phần Công nghệ mạng và truyền thông đang nắm giữ quyền kiểm soát hoặc cổ phần chi phối:

- Công ty TNHH MTV Phần mềm và truyền thông – tỷ lệ nắm giữ 100%

+ Vốn điều lệ: 1.500.000.000 đồng

+ Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh số 0104000305 do Sở kế hoạch và đầu tư Hà Nội cấp lần đầu ngày 13/02/2006

- Công ty TNHH Công nghệ ITS – tỷ lệ nắm giữ 100%

+ Vốn điều lệ đăng ký: 15.000.000.000 đồng

+ Vốn điều lệ thực góp: 12.700.000.000 đồng

+ Giấy chứng nhận kinh doanh số 0104005973 do Sở kế hoạch và đầu tư Hà Nội cấp lần đầu ngày 13/04/2009

+ Hoạt động chính: mua bán, lắp đặt, bảo dưỡng các thiết bị điện tử, tin học, viễn thông; tư vấn thi công mạng; tư vấn chuyển giao công nghệ

5.3. Những công ty nắm quyền kiểm soát hoặc cổ phần chi phối đối với Công ty cổ phần Công nghệ mạng và truyền thông:

Không có

6. HOẠT ĐỘNG KINH DOANH

6.1. Sản phẩm, dịch vụ

6.1.1. Các nhóm sản phẩm, dịch vụ chính của Công ty: hoạt động kinh doanh chủ yếu của công ty là cung cấp thiết bị và các giải pháp công nghệ thông tin, viễn thông cho các nhà cung cấp dịch vụ và doanh nghiệp.

6.1.2. Sản lượng sản phẩm/dịch vụ qua các năm

Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ

Đơn vị: VNĐ

Khoản mục	Năm 2007	Năm 2008	Tăng trưởng	Từ 01/01/2009 đến 30/09/2009
DOANH THU THUẦN	46.608.641.328	94.972.742.233	104%	169.883.612.863

(Nguồn: BCTC hợp nhất của Infonet đã kiểm toán năm 2007, 2008, BCTC hợp nhất Quý 3/2009)

Lợi nhuận gộp về bán hàng và cung cấp dịch vụ

Đơn vị: VNĐ

Khoản mục	Năm 2007	Năm 2008	Tăng trưởng	Từ 01/01/2009 đến 30/09/2009
LỢI NHUẬN GỘP	10.266.785.737	17.999.397.432	75,3%	65.009.701.270

(Nguồn: BCTC hợp nhất của Infonet đã kiểm toán năm 2007, 2008, BCTC hợp nhất Quý 3/2009))

Doanh thu và lợi nhuận của Công ty liên tục tăng trong các năm gần đây. Nguyên nhân là do nhu cầu về công nghệ và các giải pháp công nghệ ngành càng tăng, chất lượng dịch vụ của công ty ngày càng được khẳng định khiến cho số lượng hợp đồng cũng như giá trị hợp đồng ký kết tăng.

6.2. Nguyên vật liệu

Do đặc thù của hoạt động sản xuất kinh doanh chuyên cung cấp các thiết bị và giải pháp công nghệ thông tin và viễn thông cho doanh nghiệp và các nhà cung cấp, Infonet đã và đang thiết lập quan hệ tin cậy và bền vững với các đối tác hàng đầu trong từng lĩnh vực nhằm đảm bảo luôn cung cấp cho khách hàng các sản phẩm chất lượng hàng đầu cùng với các chính sách hỗ trợ tốt nhất và tin cậy sau bán hàng.

Giá của hàng hoá thiết bị đầu vào chiếm tỷ trọng lớn trong giá thành sản phẩm Công ty cung cấp, chính vì thế việc biến động giá của hàng hoá, thiết bị đầu vào ảnh hưởng lớn đến giá cả cung cấp sản phẩm cho khách hàng. Nguồn cung cấp các thiết bị sản phẩm của INFONET cho khách hàng chủ yếu là hàng nhập khẩu (chiếm 90%). Do vậy kết quả hoạt động kinh doanh của Công ty liên quan đến biến động tỷ giá ngoại tệ khi thanh toán hàng nhập. Sự biến động của tỷ giá dẫn tới sự chênh lệch tỷ giá là đáng kể và ảnh hưởng đến lợi nhuận trong kỳ.

Các đối tác của Infonet có thể kể đến như:

- | | |
|---------------------------|--|
| • Cisco Việt Nam | www.cisco.com |
| • HP Việt Nam | www.hp.com |
| • Rad Data Communications | www.rad.com |
| • Radvision | www.radvision.com |
| • Radware | www.radware.com |
| • SafeNet Inc | www.safenet-inc.com |
| • Rittech | www.rittech.com |
| • Radwin | www.radwin.com |
| • MRV | www.mrv.com |
| • Patton electronics | www.patton.com |
| • Zhone | www.zhone.com |

- Corecess Inc www.corecess.com
- Optibase www.optibase.com
- Tadiran telecom www.tadirantele.com
- Materna Gmbh www.materna.com
- Emerson Network Power www.emersonnetworkpower.com

Infonet làm đại lý bán hàng hoặc nhà phân phối và cung cấp dịch vụ cho những đối tác này.

 Rad Data Communication

Được biết đến là một công ty hàng đầu sản xuất và cung cấp các thiết bị truy cập viễn thông trên thế giới, Rad Data Communication cung cấp các thiết bị và sản phẩm truy nhập cho mọi mô hình mạng SDH truyền thống đến các mạng ATM, IP. Các sản phẩm của Rad Data Communication rất đa dạng và bao trùm mọi lĩnh vực công nghệ, có thể kể đến như:

- Các sản phẩm truy nhập Internet
- Các sản phẩm nén thoại, tối ưu hoá băng thông và VoIP
- Các sản phẩm truy nhập tích hợp
- Các sản phẩm nền tảng truy cập đa dịch vụ
- Các sản phẩm truy nhập
- Các sản phẩm đầu cuối khách hàng (bao gồm mọi hình thức truyền dẫn từ cáp đồng, cáp quang, vô tuyến,...)
- Các sản phẩm kết nối và chuyển đổi giao diện

 Radvision

Radvision là một công ty hàng đầu thế giới phát triển các giải pháp truyền thông hình ảnh (Video Conference) cho mạng IP và 3G. Từ các phòng hội nghị đến các máy điện thoại di động, từ các máy tính công sở đến các máy tính tại gia đình, tất cả đều có thể dễ dàng kết nối và tận hưởng các tiện ích truyền thông hình ảnh với các sản phẩm và giải pháp của Radvision.

Các sản phẩm MCU của Radvision cùng với các công cụ hỗ trợ phát triển, cung cấp các giải pháp triển khai dịch vụ video cho mọi mô hình từ doanh nghiệp đến các nhà cung cấp dịch vụ, mọi cấu trúc mạng từ mạng ISDN đến mạng IP và 3G

 Radware

Radware là công ty hàng đầu thế giới cung cấp các giải pháp phân phối ứng dụng tích hợp, đảm bảo độ sẵn sàng, hiệu suất và bảo mật cho các doanh nghiệp và nhà cung cấp dịch vụ. Các sản phẩm của Radware hiện được sử dụng bởi hơn 3000 doanh nghiệp và nhà cung cấp dịch vụ trên toàn thế giới.

 Rittech

Rittech phát triển và cung cấp các giải pháp quản lý cơ sở hạ tầng mạng cáp cho các doanh nghiệp và các nhà cung cấp dịch vụ. Với các doanh nghiệp, là khả năng quản lý tập trung tình trạng của từng kết nối (LAN) cũng như tự động hoá toàn bộ các thao tác đầu nối.

Với các nhà cung cấp dịch vụ là khả năng tự động phát hiện và xây dựng cơ sở dữ liệu mạng cáp, chất lượng và tình trạng của từng đôi cáp cũng như đưa ra các khuyến cáo về từng mức chất lượng dịch vụ. Khả năng này giúp cho các nhà khai thác dịch vụ thực hiện các cam kết và kiểm soát về chất lượng dịch vụ cho từng khách hàng.

Rittech phát triển hai dòng sản phẩm chính là Patch View (cho mạng LAN doanh nghiệp) và Pair View (cho mạng cáp đồng của các nhà cung cấp dịch vụ)

 Patton Electronics

Patton Electronics là một trong những công ty hàng đầu cung cấp các sản phẩm và giải pháp VoIP cho mạng doanh nghiệp, Ngoài ra Patton còn được biết đến với các sản phẩm truy nhập đa

dịch vụ, các sản phẩm truy nhập tích hợp, các sản phẩm đầu cuối cũng như các sản phẩm phục vụ chuyển đổi giao diện và đầu nối thiết bị.

Với hơn 300 dòng sản phẩm khác nhau, Patton Electronics đang phục vụ khách hàng tại hầu hết các châu lục thông qua mạng lưới hơn 200 nhà phân phối sản phẩm trên thế giới.

MRV

Là một trong số ít các công ty tại Israel thực hiện từ việc phát triển chipset đến sản phẩm thương mại, MRV là công ty đầu tiên thương mại hoá các sản phẩm cho giải pháp mạng đô thị băng rộng.

Các sản phẩm của MRV có thể được kể đến như:

- Các sản phẩm cho giải pháp mạng đô thị băng rộng
- Các sản phẩm truyền dẫn quang và ghép kênh theo bước sóng
- Các sản phẩm chuyển đổi giao diện đa dịch vụ
- Các sản phẩm cho giải pháp quản lý ngoài băng
- Các sản phẩm cho giải pháp chuyển mạch chéo quang
- Các sản phẩm KVM Switch

Optibase

Optibase cung cấp các giải pháp IPTV Streaming, mã hoá, giải mã cho các doanh nghiệp, các công ty khai thác dịch vụ và các công ty truyền hình. Các sản phẩm của Optibase bao gồm các bộ mã hoá/giải mã MPEG Video, các thiết bị IPTV Streaming Gateway cho các nhà khai thác dịch vụ và doanh nghiệp.

Tadiran Telecom

Với kinh nghiệm hơn 40 năm phát triển các giải pháp truyền thông doanh nghiệp, Tadiran Telecom là một trong 10 công ty hàng đầu trên thế giới cung cấp các sản phẩm IP PBX cùng các ứng dụng doanh nghiệp kèm theo như Call Center, Contact Center, Multimedia Soft Switch...

Zhone

Zhone là nhà sản xuất thiết bị viễn thông hàng đầu, các sản phẩm của Zhone hiện đang được cung cấp và sử dụng tới hơn 600 nhà khai thác mạng trên thế giới.

Zhone được ghi nhận là nhà cung cấp BLC (Broadband Loop Carrier) số 1 thế giới. Các sản phẩm của Zhone hướng tới cả khách hàng và nhà khai thác dịch vụ với công nghệ lõi qua các môi trường truyền dẫn cáp đồng/ cáp quang.

Các nhà cung cấp sản phẩm chính cho công ty đều là các nhà cung cấp có uy tín trong lĩnh vực công nghệ thông tin, viễn thông. Sản phẩm của họ có chất lượng đảm bảo và đáp ứng được những yêu cầu về công nghệ của khách hàng.

6.3. Chi phí sản xuất

Infonet là công ty chuyên cung cấp thiết bị và các giải pháp công nghệ, truyền thông, đầu vào chủ yếu là các thiết bị nhập khẩu, không có khâu sản xuất nên không có chi phí sản xuất.

6.3.1. Cơ cấu các khoản mục chi phí:

Cơ cấu các khoản mục chi phí

Khoản mục	Năm 2007		Năm 2008		Từ 01/01/2009 đến 30/09/2009	
	Giá trị (VNĐ)	Tỷ trọng trên TDT (%)	Giá trị (VNĐ)	Tỷ trọng trên TDT (%)	Giá trị (VNĐ)	Tỷ trọng trên TDT (%)
1. Giá vốn hàng bán	36.341.855.591	77,97	76.973.344.801	81,05	104.873.911.593	61,73
2. Chi phí tài chính	970.591.212	2,08	3.273.410.589	3,45	9.280.557.958	5,46
3. Chi phí bán hàng	290.445.090	0,62	238.416.202	0,25	782.606.860	0,46
4. Chi phí Quản lý DN	8.762.509.225	18,80	11.017.808.087	11,6	8.803.456.782	5,18
5. Chi phí khác	18.644.961	0,04	102.334.126	0,11	-	0
TỔNG CỘNG	46.384.046.079	99,52	91.607.713.805	96,46	123.740.533.193	72,83

(Nguồn: BCTC hợp nhất của Infonet đã kiểm toán năm 2007, 2008, BCTC hợp nhất Quý 3/2009)

Tỷ trọng tổng các loại chi phí trên doanh thu giảm dần. Tỷ trọng chi phí tài chính trên doanh thu tăng do chi phí về chênh lệch tỷ giá tăng, tỷ trọng giá vốn hàng bán trên tổng doanh thu năm 2008 tăng so với năm 2007 do giá đầu vào tăng trong khi đã cố định giá đầu ra. Các tỷ lệ các chi phí khác trên doanh thu đều giảm do công ty đã quản lý có hiệu quả hơn các khoản mục chi phí. Trong 9 tháng đầu năm 2009, tỷ trọng các chi phí trên doanh thu giảm đáng kể so với các năm trước chiếm 72,83% tổng doanh thu, nguyên nhân chủ yếu là Công ty đã kiểm soát tốt giá vốn hàng bán so với giá bán đầu ra.

6.4. Trình độ công nghệ

Quy trình cung cấp sản phẩm dịch vụ bao gồm 4 giai đoạn:

- Đầu vào: nhập khẩu các thiết bị truyền thông, tin học, truyền hình, âm thanh,...
- Bán hàng: cung cấp các thiết bị truyền thông, tin học, truyền hình, âm thanh,...các giải pháp công nghệ
- Thu nợ: thu hồi công nợ của khách hàng

Với định hướng kinh doanh cung cấp các giải pháp, dịch vụ mạng và truyền thông cho các doanh nghiệp và nhà cung cấp dịch vụ, Infonet đã trải qua quá trình nỗ lực phấn đấu nâng cao chất lượng quản lý, chất lượng dịch vụ cũng như từng bước thiết lập quan hệ vững chắc và tin cậy với các đối tác trong và ngoài nước. Cho đến nay, Infonet chuyên cung cấp các giải pháp và dịch vụ cho các nhà cung cấp dịch vụ viễn thông và các doanh nghiệp. Infonet xây dựng quy trình kinh doanh khép kín từ tư vấn giải pháp, cung cấp sản phẩm và các dịch vụ cài đặt, thiết lập, đào tạo cũng như các dịch vụ bảo hành, bảo trì sau bán hàng.

6.5. Tình hình nghiên cứu và phát triển sản phẩm mới

 Các sản phẩm dịch vụ mới đang được nghiên cứu triển khai

Không đơn thuần chỉ cung cấp hàng hoá thông thường, Infonet chủ trương mở rộng hoạt động kinh doanh tiến tới triển khai cung cấp trọn gói một dự án, triển khai cài đặt, cung cấp dịch vụ hướng dẫn sử dụng, đào tạo chuyên môn, bảo dưỡng định kỳ, hỗ trợ lâu dài, cung cấp phần mềm, giải pháp nâng cấp hệ thống,...

Tận dụng sự hỗ trợ công nghệ của các đối tác, Infonet đã và đang phát triển các phần mềm chuyên dụng cho các ứng dụng đặc thù trong nước. Hệ thống quản lý thiết bị và phòng máy không người trực của Infonet phát triển trên nền tảng PLC của Siemens với việc tích hợp hàng loạt ứng dụng như kiểm soát vào ra, camera, hệ thống chữa cháy tự động ... đã được ghi nhận và

triển khai hàng loạt tại các khách hàng lớn như Bưu điện TP HCM, Đà Nẵng, Ngân hàng BIDV, ICB,...

Ngoài ra, phối hợp với Radvision, Infonet đã và đang phát triển các ứng dụng gia tăng Video như Ringback Clip, Video Chat, Video Text...cho các nhu cầu tương lai trong mạng 3G và mạng thế hệ mới NGN

 **Đội ngũ nghiên cứu, phát triển sản phẩm của Công ty**

Gồm 1 PGĐ kỹ thuật phụ trách việc nghiên cứu, ứng dụng sản phẩm, 10 cán bộ kỹ thuật viên triển khai phát triển gói sản phẩm.

Trong quá trình triển khai các gói sản phẩm, các kỹ thuật viên liên tục tìm hiểu, phát triển các sản phẩm mới, nghiên cứu tìm cách phát triển sản phẩm tại thị trường Việt Nam thông qua nhập các sản phẩm mẫu, chạy thử nghiệm tại công ty và chạy thử nghiệm trực tiếp trên hệ thống khách hàng nhằm tìm ra tính ưu việt, phát huy và hạn chế các nhược điểm trước khi phát triển sâu rộng trên thị trường.

6.6. Tình hình kiểm tra chất lượng sản phẩm và dịch vụ

 **Hệ thống kiểm tra chất lượng đang áp dụng**

Với tư cách là doanh nghiệp hoạt động thương mại thuần túy, Công ty là đại diện phân phối của các nhà cung cấp có thương hiệu nổi tiếng và hoạt động sản xuất kinh doanh theo hệ thống ISO 9000, ISO 9002, ISO 14000,...

 **Bộ phận kiểm tra chất lượng của công ty**

Với định hướng kinh doanh cung cấp các giải pháp, dịch vụ mạng và truyền thông cho các doanh nghiệp và các nhà cung cấp dịch vụ, Infonet đã trải qua quá trình nỗ lực phấn đấu nâng cao chất lượng quản lý, chất lượng dịch vụ cũng như từng bước thiết lập quan hệ vững chắc và tin cậy với các đối tác trong và ngoài nước.

Ngoài việc không ngừng nâng cao chất lượng và trình độ của đội ngũ kỹ thuật, Infonet đã và đang thiết lập quan hệ tin cậy và bền vững với các đối tác hàng đầu trong từng lĩnh vực nhằm đảm bảo luôn cung cấp cho khách hàng các sản phẩm chất lượng hàng đầu cùng với các chính sách hỗ trợ tốt nhất và tin cậy sau bán hàng.

Đội ngũ kiểm tra chất lượng của công ty bao gồm: 01 cán bộ chuyên môn và 02 cán bộ kỹ thuật phối hợp kiểm tra chất lượng sản phẩm, hàng hoá của các nhà cung cấp.

Công ty luôn yêu cầu các nhà cung cấp phải cung cấp hàng hoá theo đúng chỉ tiêu, chất lượng theo đúng chỉ tiêu chất lượng đã được cấp giấy chứng nhận. Cán bộ chuyên môn của công ty sẽ kiểm tra toàn bộ giấy phép và giấy chứng nhận để xác minh tính chính xác, trung thực của chứng từ. Cán bộ kỹ thuật của công ty sẽ kiểm tra chất lượng sản phẩm để xác thực chất lượng, tính năng và công dụng có đúng, đủ và phù hợp với hệ thống mà Nhà cung cấp công bố hay không. Toàn bộ quá trình được thực hiện, trước và trong khi bàn giao lắp đặt sản phẩm.

6.7. Hoạt động marketing

Quảng bá hoạt động

Infonet thực hiện việc quảng bá hình ảnh thông qua hệ thống Internet và báo chí.

Tuy Infonet không sở hữu các nhãn hiệu thương mại nhưng cho đến nay Infonet đã làm đại lý cho phần lớn các hãng sản xuất các giải pháp, dịch vụ mạng và truyền thông lớn nhất trên thế giới.

Chiến lược tiếp cận, chăm sóc khách hàng

Infonet hoạt động với tiêu chí khách hàng là số 1, do vậy công ty có chính sách tiếp cận, chăm sóc khách hàng dưới mọi hình thức: giảm giá sản phẩm kêu gọi, tiếp cận khách hàng mới, hỗ trợ kỹ thuật tối đa các khách hàng truyền thống. Cung cấp các sản phẩm có chất lượng tới khách hàng. Đảm bảo giao nhận, lắp đặt sản phẩm đúng tiến độ. Cung cấp cơ chế bảo hành linh hoạt, nhanh gọn.

Với hệ thống trung tâm bảo hành của Infonet tại Hà Nội, TP Hồ Chí Minh cùng với những kinh nghiệm đã tích lũy được trong nhiều năm qua khi làm dịch vụ với các hãng LG, RAD, Expand, IBM, Invensys,... Công ty Infonet có đầy đủ khả năng đảm nhiệm sửa chữa và làm dịch vụ đối với hầu hết các loại máy tính, thiết bị mạng, thiết bị điện công nghiệp có trên thị trường. Với sự hỗ trợ của các hãng bằng việc tổ chức các khoá đào tạo bảo hành bảo trì, cung cấp các linh kiện thay thế, cùng với các thiết bị sửa chữa hiện đại, Công ty Infonet đã và đang đáp ứng nhanh mọi nhu cầu của khách hàng.

Đối với các sản phẩm mà Infonet cung cấp do các hãng nước ngoài sản xuất thì họ đều có văn phòng đại diện tại Việt Nam và có quan hệ chặt chẽ với Infonet. Các văn phòng đại diện tại Việt Nam cũng như hệ thống hỗ trợ kỹ thuật của các công ty đa quốc gia sẽ có những hỗ trợ tốt nhất cho các sản phẩm do Infonet cung cấp. Văn phòng đại diện sẽ đảm bảo việc cung cấp các tài liệu kỹ thuật, tư vấn hỗ trợ khách hàng, đảm bảo đầy đủ linh kiện cho các trung tâm bảo hành của Infonet.

Những đại lý của Infonet trên toàn quốc đều có khả năng hỗ trợ hoàn hảo cho khách hàng về các thiết bị do Infonet cung cấp. Các vấn đề hệ thống đều được giải quyết một cách nhanh chóng.

6.8. Nhãn hiệu thương mại, đăng ký phát minh sáng chế và bản quyền

Logo công ty:



6.9. Các hợp đồng lớn đang được thực hiện hoặc đã được ký kết

Các hợp đồng lớn đã ký kết và đang thực hiện trong năm 2009

STT	Tên hợp đồng	Số HĐ	Chủ đầu tư	Giá trị HĐ	ĐVT	Thời gian thực hiện
1	Cung cấp và lắp đặt hệ thống Truyền hình hội nghị cho Bưu điện Trung ương (CPT)	01/INFONET-TST	Công ty CP Dịch vụ Kỹ thuật Viễn thông – TST	18.612.645.000	VND	2009
2	Cung cấp và lắp đặt thiết bị đầu cuối Truyền hình hội nghị cho Bưu điện Trung ương (CPT)	02/INFONET-TST	Công ty CP Dịch vụ Kỹ thuật Viễn thông – TST	12.927.459.600	VND	2009
3	Cung cấp, triển khai, đào tạo và chuyển giao công nghệ thiết bị quản lý hệ thống chất lượng mạng WAN	124/NHĐT/INFONET-CDC	Ngân hàng Đầu tư và Phát triển Việt Nam	13.831.770.000	VND	2009
4	Cung cấp thiết bị và phụ trợ cho Hệ thống truyền hình hội nghị	022009/VTN-INFONET	Công ty Viễn thông Liên tỉnh	1.097.220	USD	2009
5	Cung cấp, triển khai thiết bị mạng cho Trung tâm xử lý BIDV	155/NHĐT/INFONET-CDC	Ngân hàng Đầu tư và Phát triển Việt Nam	8.380.823.000	VND	2009

BẢN CÁO BẠCH NIÊM YẾT CỔ PHIẾU
CÔNG TY CỔ PHẦN CÔNG NGHỆ MẠNG VÀ TRUYỀN THÔNG

STT	Tên hợp đồng	Số HĐ	Chủ đầu tư	Giá trị HĐ	ĐVT	Thời gian thực hiện
6	Cung cấp vật tư, thiết bị triển khai KTR	2905/VTN-INFONET	Công ty Viễn thông Liên tỉnh	445.808	USD	2009
7	Cung cấp thiết bị đầu cuối hỗ trợ HD dự phòng cho hệ thống Truyền hình hội nghị	1162009/VTN-INFONET	Công ty Viễn thông Liên tỉnh	761.985	USD	2009
8	Cung cấp thiết bị phát triển KTR	260309/HĐKT-INFONET	Trung tâm viễn thông khu vực III	77.005,50	USD	2009
9	Cung cấp modem phát triển KTR	1805/HĐKT-INFONET	Trung tâm viễn thông khu vực III	29.689	USD	2009
10	Trang bị chuyển đổi quang điện cấp truyền dẫn cho Vinaphone 3G	040609/VTN-INFONET	Công ty Viễn thông Liên tỉnh	165.000	USD	2009
11	Cung cấp modem phát triển KTR	3006/VTN-INFONET	Công ty Viễn thông Liên tỉnh	4.817.221.200	VNĐ	2009
12	Cung cấp màn hình LCD hỗ trợ HD	072009/VTN-INFONET	Công ty Viễn thông Liên tỉnh	15.985,20	USD	2009
13	Cung cấp thiết bị tách ghép kênh	20709/VNT3-INFONET	Trung tâm viễn thông khu vực III	3.833.101.195	VND	2009

BẢN CÁO BẠCH NIÊM YẾT CỔ PHIẾU
CÔNG TY CỔ PHẦN CÔNG NGHỆ MẠNG VÀ TRUYỀN THÔNG

STT	Tên hợp đồng	Số HĐ	Chủ đầu tư	Giá trị HĐ	ĐVT	Thời gian thực hiện
14	Cung cấp thiết bị đầu cuối (Modem SDHSL/FE/GE)	65/2009/HĐKT/CTIN-INFONET	Công ty cổ phần viễn thông – Tin học bưu điện (CT-IN)	1.706.039,50	USD	2009
15	Trang bị modem	1108/VTN-INFONET	Công ty Viễn thông Liên tỉnh	3.213.645.600	VND	2009
16	Nâng cấp hệ thống Internet - Intranet	18092009/NHĐT-INFONET	Trung tâm công nghệ thông tin – Ngân hàng Đầu tư và Phát triển Việt Nam	4.060.110.400	VND	2009
17	Cung cấp thiết bị truyền hình Hội nghị	0309/INFONET-HPT	Công ty cổ phần dịch vụ công nghệ tin học HPT	40.080,50	USD	2009
18	Trang bị 10 đầu thiết bị NG-SDH 10G của hãng Nortel cho TTVTKV III	061009/VTN-INFONET	Công ty Viễn thông Liên tỉnh	19.411.344.704	VND	2009
19	Trang bị modem E1/G703/48VDC	091009/VTN-INFONET	Công ty Viễn thông Liên tỉnh	4.013.625.000	VND	2009

Các hợp đồng lớn đã ký kết thực hiện trong năm 2010

BẢN CÁO BẠCH NIÊM YẾT CỔ PHIẾU
CÔNG TY CỔ PHẦN CÔNG NGHỆ MẠNG VÀ TRUYỀN THÔNG

STT	Tên hợp đồng	Số HĐ	Chủ đầu tư	Giá trị HĐ	ĐVT	Thời gian thực hiện
1	Cung cấp thiết bị chuyển mạch (Switch) Module, dây cáp, tủ mạng kèm theo cho 02 phòng máy chủ thuộc trung tâm miền trung và trung tâm miền Nam	HD 03120903 NHDT – INFONET	Ngân hàng Đầu tư và Phát triển Việt Nam	2.063.320.000	VND	2010
2	Cung cấp thiết bị Blade server, khung mạch máy chủ (Chassis), Rack Server	HD 03120904 NHDT – INFONET	Ngân hàng Đầu tư và Phát triển Việt Nam	5.145.250.000	VND	2010
3	Cung cấp thiết bị lưu trữ	HD 03120905 NHDT – INFONET	Ngân hàng Đầu tư và Phát triển Việt Nam	2.596.000.000	VND	2010
4	Cung cấp thiết bị mạng LAN, mạng điện thoại và điện công nghệ	HD 271109 BIDV – INFONET	Ngân hàng Đầu tư và Phát triển Việt Nam	16.380.110.000	VND	2010

Ngoài ra chúng tôi dự kiến sẽ ký kết một số hợp đồng lớn sau:

STT	Tên hợp đồng	Thời gian dự kiến ký kết	Chủ đầu tư	Giá trị HĐ	ĐVT	Thời gian thực hiện
-----	--------------	--------------------------	------------	------------	-----	---------------------

BẢN CÁO BẠCH NIÊM YẾT CỔ PHIẾU
CÔNG TY CỔ PHẦN CÔNG NGHỆ MẠNG VÀ TRUYỀN THÔNG

STT	Tên hợp đồng	Thời gian dự kiến ký kết	Chủ đầu tư	Giá trị HĐ	ĐVT	Thời gian thực hiện
1	Xây dựng hạ tầng ứng dụng Quản lý người dùng (AD) và Thư tín điện tử	Tháng 02/2010	Ngân hàng Nông nghiệp và phát triển nông thôn Việt Nam	39.253.202.900	VND	2010
2	Mua sắm và triển khai hệ thống Voice Conference	Tháng 02/2010	Ngân hàng TMCP Ngoại thương Việt Nam	2.475.825.000	VND	2010
3	Trang bị modem ASMi-52/E1/2W/ETH	Tháng 02/2010	Công ty Viễn thông liên tỉnh	4.334.715.000	VND	2010

(Nguồn: CTCP Công nghệ mạng và truyền thông)

7. BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH

7.1 Kết quả hoạt động kinh doanh

Một số chỉ tiêu về hoạt động sản xuất kinh doanh của Công ty

Đơn vị: VNĐ

ST T	Chỉ tiêu	Năm 2007	Năm 2008	%tăng giảm	30/09/2009
1	Tổng giá trị tài sản	40.119.536.169	67.843.918.001	69,10%	164.767.481.023
-	<i>Tài sản ngắn hạn</i>	<i>39.257.866.729</i>	<i>66.147.013.890</i>	<i>68,49%</i>	<i>160.444.089.719</i>
-	<i>Tài sản dài hạn</i>	<i>861.669.440</i>	<i>1.696.904.111</i>	<i>96,93%</i>	<i>4.323.391.304</i>
2	Doanh thu thuần	46.608.641.328	94.972.742.233	103,77%	169.883.612.863
3	Lợi nhuận từ HĐKD	294.671.734	4.202.021.967	1.326,00%	46.205.150.709
4	Lợi nhuận khác	(18.644.961)	(102.334.126)	448,86%	15.606.000
5	Lợi nhuận trước thuế	276.026.773	4.099.687.841	1.385,25%	46.220.756.709
6	Lợi nhuận sau thuế	16.636.024	2.989.339.911	17.869,08%	38.132.124.285
7	Tỷ lệ cổ tức/mệnh giá	0%	0%		100%

(Nguồn: BCTC hợp nhất của Infonet đã kiểm toán năm 2007, 2008, BCTC hợp nhất quý 3/2009)

Các chỉ tiêu về hoạt động sản xuất kinh doanh của Công ty đa số có xu hướng tốt lên theo thời gian. Tổng tài sản tăng nhanh, chủ yếu là tài sản ngắn hạn do đặc thù hoạt động của công ty là thương mại và cung cấp dịch vụ. Các khoản mục doanh thu và lợi nhuận đều tăng với tỷ lệ khá cao.

Trong năm 2008, tình hình hoạt động kinh doanh của Công ty đã có những bước chuyển biến mới, kết quả hoạt động kinh doanh đã tăng vượt trội so với năm 2007. Nguyên nhân là do năm 2008 Công ty đã bước đầu xây dựng được một hệ thống khách hàng truyền thống đồng thời cuối năm 2008 Công ty đã đưa ra thị trường sản phẩm độc quyền về thiết bị hội nghị truyền hình.

9 tháng đầu năm 2009, tiếp tục kế thừa các dự án cung cấp thiết bị và giải pháp của năm 2008 đồng thời thực hiện thêm nhiều dự án khác, bên cạnh đó năm 2009 đánh dấu những bước tiến về công nghệ (3G) khiến cho các nhà cung cấp dịch vụ truyền thông phải đầu tư mới lại hệ thống cũng như trang thiết bị khiến cho doanh thu của Infonet có bước tăng trưởng rõ rệt.

Các năm trước Công ty chưa thực hiện việc chi trả cổ tức, năm 2009 Công ty đã chi trả cổ tức đợt 1 bằng tiền mặt với tỷ lệ 100%/ vốn điều lệ (tương đương 30 tỷ đồng vì thời điểm này công ty có vốn điều lệ là 30 tỷ đồng) vào ngày 25/9/2009.

7.2 Những nhân tố ảnh hưởng đến hoạt động sản xuất kinh doanh trong kỳ báo cáo

Thuận lợi

Việt Nam là một nước đang phát triển, mục tiêu đặt ra là sẽ trở thành một nước công nghiệp vào năm 2020. Để đạt được mục tiêu này, công nghiệp hoá, hiện đại hoá là một bước đi đúng đắn. Gắn chặt với công nghiệp hoá và hiện đại hoá là công nghệ thông tin. Vai trò của công nghệ thông tin ngày càng lớn trong cuộc sống nói chung và trong hoạt động sản xuất kinh doanh của các doanh nghiệp nói riêng.

Viễn thông cũng là một lĩnh vực có sự tăng trưởng mạnh trong thời gian gần đây. Các mạng viễn thông mới xuất hiện, địa bàn phủ sóng ngày càng rộng, dịch vụ cung cấp ngày càng đa dạng, công nghệ ngày càng hiện đại,...và nhu cầu về số lượng cũng như chất lượng dịch vụ của khách hàng ngày càng cao.

Các yếu tố trên khiến cho nhu cầu về thiết bị cũng như các giải pháp về công nghệ thông tin và viễn thông của các doanh nghiệp và các nhà cung cấp dịch vụ ngày càng cao, đặc biệt trong thời kỳ công nghệ thay đổi nhanh và ngày càng hiện đại.

Khó khăn

Cùng với sự khó khăn của nền kinh tế thế giới và nền kinh tế Việt Nam, Infonet cũng gặp một số

khó khăn trong hoạt động như khó khăn trong việc vay vốn để hoạt động sản xuất khi thắt chặt tín dụng, ảnh hưởng của biến động tỷ giá,...

8. VỊ THẾ CỦA CÔNG TY SO VỚI CÁC DOANH NGHIỆP KHÁC TRONG CÙNG NGÀNH

8.1. *Triển vọng của ngành*

Công nghệ thông tin đang càng ngày càng chiếm vai trò quan trọng trong hoạt động của nền kinh tế nói chung và hoạt động sản xuất kinh doanh của các doanh nghiệp nói riêng. Công nghệ thông tin làm giảm chi phí, trao đổi thông tin và xử lý công việc nhanh hơn,Nhu cầu đa dạng của các thành phần trong nền kinh tế là một động lực lớn để phát triển ngành.

Song song với công nghệ thông tin, thị trường viễn thông cũng đang phát triển nhanh. Những năm gần đây, các mạng viễn thông phát triển nhanh về số lượng thuê bao cũng như các loại hình dịch vụ cung cấp. Cạnh tranh ngày càng cao khiến cho nhu cầu đổi mới công nghệ, phát triển đa dạng hơn các loại hình dịch vụ trở nên cấp thiết, từ đó thúc đẩy sự phát triển của lĩnh vực cung cấp thiết bị và các giải pháp công nghệ.

8.2. *Vị thế của Công ty*

Là doanh nghiệp hoạt động gần 10 năm trong lĩnh vực công nghệ thông tin và viễn thông (một lĩnh vực kinh doanh tương đối rộng mở và thu được lợi nhuận cao ở Việt Nam), Infonet có đầy đủ kỹ năng, kinh nghiệm, kiến thức và nhân lực để cung cấp tới tay khách hàng gói sản phẩm tốt nhất, tiện lợi nhất. Do đó, Infonet có bề dày về kinh nghiệm triển khai thực hiện các dự án, với đội ngũ cán bộ kỹ thuật lành nghề, có đầy đủ các thiết bị máy móc, có kinh nghiệm, nhiệt tình đáp ứng mọi nhu cầu của khách hàng trên mọi khía cạnh trong các lĩnh vực viễn thông (lắp đặt thiết bị, hướng dẫn chuyển giao công nghệ, bồi dưỡng cán bộ sử dụng, tư vấn kỹ thuật, bảo hành, bảo trì,...). Infonet cũng nắm bắt nhạy bén các thay đổi nhanh chóng của công nghệ hiện nay do Công ty có quan hệ trực tiếp với nhiều hãng sản xuất thiết bị nước ngoài, và am hiểu cận kề các yếu tố có ảnh hưởng tới độ bền của thiết bị trên từng địa phương.

Trong lĩnh vực cung cấp thiết bị và các giải pháp công nghệ, truyền thông có thể kể đến những đối thủ cạnh tranh như: Công ty ứng dụng kỹ thuật và sản xuất - Bộ quốc phòng, Công ty cổ phần hệ thống thông tin FPT, Công ty TNHH hệ thống thông tin ngân hàng tài chính FPT(đối thủ có trọng lượng), Công ty An Phú, Công ty cổ phần Mạng Thông minh, Công ty cổ phần công nghệ viễn thông VITECO- Trung tâm viễn thông, Công ty TNHH công nghệ Việt Hàn... Trong đó, Công ty ứng dụng kỹ thuật và sản xuất - Bộ quốc phòng và Công ty cổ phần hệ thống thông tin FPT là những đối thủ có trọng lượng.

Lợi thế cạnh tranh của Infonet trong lĩnh vực này là Công ty có sản phẩm độc quyền đó là thiết bị hội nghị truyền hình (độc quyền về sản phẩm, giải pháp cũng như phần mềm) tại Việt Nam.

8.3. *Đánh giá sự phù hợp định hướng phát triển của Công ty với chính sách của nhà nước và xu thế chung của thế giới.*

Trên thế giới, Công nghệ thông tin và viễn thông là ngành phát triển với tốc độ nhanh và bền vững. Với những lợi ích của việc áp dụng công nghệ thông tin và viễn thông vào sản xuất kinh doanh, cùng với sự phát triển của thế giới, nhu cầu về các thiết bị và giải pháp ở về công nghệ và viễn thông ở Việt Nam ngày càng cao.

Bên cạnh đó Nhà nước cũng nhận thấy được vai trò của công nghệ thông tin và viễn thông: thúc đẩy quá trình hội nhập quốc tế, giúp Chính phủ các nước nâng cao năng lực quản lý điều hành, người dân dễ dàng tiếp cận với kinh tế và tri thức, doanh nghiệp giảm chi phí và nâng cao hiệu suất hoạt động. Trong nhiều năm qua, Chính phủ Việt Nam đã ban hành nhiều cơ chế chính sách và tập trung nguồn lực để phát triển công nghệ thông tin và viễn thông và kết quả là ngành này đã có bước phát triển khá nhanh, duy trì được tốc độ phát triển cao. Công nghệ thông tin và truyền thông cũng là một công cụ rất quan trọng hàng đầu và là ngành kinh tế mũi nhọn để thực hiện các mục tiêu thiên niên kỷ, xây dựng xã hội thông tin, rút ngắn quá trình công nghiệp hoá, hiện đại hoá đất nước.

Hoạt động kinh doanh của Infonet đã, đang và sẽ tiếp tục tập trung vào cung cấp các thiết bị , phần mềm cũng như các giải pháp trong lĩnh vực công nghệ và viễn thông. Đây cũng là một định hướng phát triển phù hợp với triển vọng phát triển chung của ngành cũng như chính sách của Nhà nước.

Trong những năm tiếp theo, công ty sẽ phát huy nội lực để có thể đáp ứng nhiều hơn yêu cầu của khách hàng, để trở thành đơn vị có uy tín, khẳng định tên tuổi và mở rộng khả năng cung cấp sản phẩm với tiêu chí:

- Đáp ứng một cách tốt nhất các yêu cầu của khách hàng
- Trong quá trình bảo hành, luôn luôn đảm bảo sự liên tục trong công việc của khách hàng, trong trường hợp khách hàng cần thiết sẽ tạm thay thế mới hoặc bằng thiết bị có khả năng tương đương.

Những thay đổi về cơ chế, chính sách thuế, đầu tư sẽ ảnh hưởng tới hoạt động của Infonet nhưng trên hết Infonet vẫn đứng vững và duy trì vị thế là một trong những công ty hàng đầu ở Việt Nam cung cấp giải pháp và dịch vụ cho các nhà cung cấp dịch vụ viễn thông và các doanh nghiệp.

9. CHÍNH SÁCH ĐỐI VỚI NGƯỜI LAO ĐỘNG

9.1. Số lượng người lao động trong Công ty

Tính đến thời điểm 30/9/2009, Công ty Cổ phần Công nghệ mạng và truyền thông có 92 CBCNV, cơ cấu lao động được thể hiện ở bảng sau:

Cơ cấu lao động của Công ty cổ phần Công nghệ mạng và truyền thông (tại thời điểm 30/09/2009)

STT	Đơn vị	Số lượng nhân viên	
		Đại học	Cao đẳng, trung cấp
1	Phòng kinh doanh dự án	9	
2	Phòng xuất nhập khẩu	3	
3	Phòng kế toán	4	1
4	Phòng kỹ thuật và bảo hành	50	
5	Phòng giao nhận hàng hoá	3	1
6	Phòng hành chính tổng hợp	8	
7	Công ty phần mềm (Infosoft Inc)	15	
	Tổng	92	2

(Nguồn: CTCP Công nghệ mạng và truyền thông)

9.2. Chính sách đối với người lao động

a. Chế độ làm việc

- Thời gian làm việc: 8h/ngày, 6 ngày/tuần, nghỉ trưa 1h. Khi có yêu cầu về tiến độ sản xuất,

kinh doanh thì CBCNV có trách nhiệm làm thêm giờ và Công ty có những quy định đảm bảo quyền lợi cho người lao động theo quy định của Nhà nước.

- Ngày phép, nghỉ lễ, Tết, nghỉ ốm thai sản: CBCNV được nghỉ lễ và Tết 9 ngày theo quy định của Luật Lao động. Đối với CBCNV đã làm việc tại Công ty từ 12 tháng trở lên được nghỉ phép 12 ngày/năm. Những người còn lại sẽ được nghỉ phép tính theo tỷ lệ thời gian làm việc. CBCNV được nghỉ ốm 03 ngày (*không liên tục*) trong năm và được hưởng nguyên lương. Trong thời gian nghỉ thai sản, ngoài thời gian nghỉ 04 tháng với chế độ bảo hiểm theo đúng quy định còn được hưởng thêm 04 tháng lương cơ bản do Bảo hiểm xã hội chi trả.

b. Chính sách tuyển dụng, thu hút nhân tài

Người lao động được tuyển dụng trực tiếp và được đào tạo nâng cao trình độ dựa trên những yêu cầu thiết yếu của công việc cũng như nguyện vọng của người lao động.

c. Chính sách lương thưởng, phúc lợi

- Mức lương chính: theo thỏa thuận, trả một lần vào cuối tháng
- Phụ cấp: trách nhiệm: tùy từng thời điểm
- Thưởng, phúc lợi:
 - ✓ Được hưởng các khoản thưởng (tiền thưởng được hưởng theo tình hình hoạt động của công ty và theo trách nhiệm, mức độ hoàn thành công việc), nâng lương, bồi dưỡng nghiệp vụ, thực hiện nhiệm vụ hợp tác khoa học, công nghệ với các đơn vị trong hoặc ngoài nước.
 - ✓ Được hưởng các chế độ ngưng việc, trợ cấp thôi việc, bồi thường theo quy định của pháp luật lao động..
- Bảo hiểm y tế và bảo hiểm xã hội: người lao động được công ty đóng bảo hiểm xã hội và bảo hiểm y tế theo quy định của luật lao động hiện hành.

MỨC THU NHẬP BÌNH QUÂN CỦA NGƯỜI LAO ĐỘNG TRONG CÔNG TY

Năm	Đơn vị
2005	4.035.101 đồng/tháng
2006	5.885.606 đồng/tháng
2007	4.826.516 đồng/tháng
2008	5.000.000 đồng/tháng
2009 (E)	5.666.000 đồng/tháng
2010 (F)	6.000.000 đồng/tháng
2011 (F)	6.500.000 đồng/tháng

(Nguồn: CTCP Công nghệ mạng và truyền thông)

10. Chính sách cổ tức

Việc chi trả cổ tức của Infonet theo luật doanh nghiệp và điều lệ của Công ty như sau:

- Công ty chi trả cổ tức cho cổ đông khi kinh doanh có lãi, đã hoàn thành nghĩa vụ nộp thuế và các nghĩa vụ tài chính khác theo quy định của pháp luật. Ngay khi trả hết số cổ tức đã định, Công ty vẫn đảm bảo thanh toán đầy đủ các khoản nợ và các nghĩa vụ tài sản khác đến hạn phải trả.
- Đại hội đồng cổ đông thường niên sẽ quyết định tỷ lệ cổ tức trả cho cổ đông dựa trên đề xuất của Hội đồng quản trị, kết quả kinh doanh của năm hoạt động và phương hướng hoạt động kinh doanh của những năm tiếp theo.

Trong năm 2009, Công ty đã trả cổ tức bằng tiền mặt đợt 1 với tỷ lệ 100% trên V&L tương đương 30 tỷ đồng tại 25/9/2009 (do thời điểm này vốn điều lệ của công ty là 30 tỷ đồng) theo nghị quyết

của Đại hội đồng cổ đông số 04/2009/NQDHDCCD ngày 25/9/2009.

11. TÌNH HÌNH HOẠT ĐỘNG TÀI CHÍNH

11.1 Một số chỉ tiêu tài chính cơ bản

11.1.1 Trích khấu hao Tài sản cố định

Nguyên tắc ghi nhận TSCĐ và khấu hao

Tài sản cố định hữu hình, tài sản cố định vô hình được ghi nhận theo giá gốc. Trong quá trình sử dụng, tài sản cố định hữu hình, tài sản cố định vô hình được ghi nhận theo nguyên giá, hao mòn lũy kế và giá trị còn lại.

Khấu hao TSCĐ của Công ty được thực hiện theo phương pháp khấu hao đường thẳng: Thời gian khấu hao được xác định phù hợp với Quyết định số 206/2003/QĐ-BTC ngày 12/12/2003 của Bộ Tài chính ban hành chế độ quản lý, sử dụng và trích khấu hao TSCĐ.

Loại tài sản	Thời gian khấu hao (năm)
Máy móc, thiết bị	07
Phương tiện vận tải	07
Thiết bị văn phòng	05
Phần mềm tin học	03
Các tài sản khác	05

11.1.2 Thanh toán các khoản nợ đến hạn

Công ty luôn thực hiện đầy đủ và đúng hạn việc thanh toán các khoản nợ đến hạn đối với các cá nhân và tổ chức tín dụng.

11.1.3 Các khoản phải nộp theo luật định

Công ty thực hiện nghiêm túc việc nộp các khoản thuế Giá trị gia tăng, thuế nhập khẩu, thuế Thu

nhập doanh nghiệp ...theo đúng quy định của Nhà nước.

Thuế giá trị gia tăng (GTGT)

Công ty áp dụng việc kê khai, tính thuế GTGT theo hướng dẫn của luật thuế hiện hành với mức thuế 5% đối với hoạt động thanh lý TSCĐ, vật tư thu hồi và 10% đối với các hoạt động khác.

Thuế Thu nhập doanh nghiệp (TNDN)

Theo luật thuế thu nhập doanh nghiệp mới, thuế suất áp dụng là 25%, trong năm 2009 được giảm 30% thuế thu nhập doanh nghiệp (Theo thông tư số 03/2009/TT-BTC ngày 13 tháng 01 năm 2009 về việc hướng dẫn thực hiện giảm, gia hạn nộp thuế TNDN của Bộ tài chính).

Các loại thuế khác

Các loại thuế, phí khác doanh nghiệp thực hiện kê khai và nộp cho cơ quan thuế địa phương theo đúng quy định hiện hành của Nhà nước.

Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước

Đơn vị: VNĐ

STT	Khoản mục	31/12/2007	31/12/2008	30/09/2009
1	Thuế GTGT	-	1.881.111.851	-
2	Thuế thu nhập doanh nghiệp	205.449.904	1.093.288.510	8.844.396.237
3	Thuế thu nhập cá nhân	3.482.500	3.482.500	-
4	Thuế nhập khẩu	110.667.599	69.725.176	15.877
Cộng thuế và các khoản phải nộp Nhà nước		319.600.003	3.047.608.037	8.844.412.114

(Nguồn: BCTC hợp nhất của Infonet đã kiểm toán năm 2007, 2008, BCTC hợp nhất Quý 3/2009)

11.1.4 Trích lập các quỹ theo luật định

Việc trích lập các quỹ của Công ty được thực hiện căn cứ theo:

- Kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh trong kỳ;
- Kế hoạch hoạt động sản xuất kinh doanh trong thời gian tới;
- Quy định tại Điều lệ tổ chức và hoạt động của Công ty;
- Đề xuất của HĐQT và sự phê duyệt của ĐHĐCĐ.

Việc thực hiện trích quỹ các năm trước do Đại hội đồng cổ đông quyết định căn cứ vào tình hình hoạt động thực tế của Công ty. Tạm thời Công ty chưa trích lập các quỹ, việc trích lập sẽ được HĐQT lấy ý kiến Đại hội đồng cổ đông tại cuộc họp Đại hội đồng cổ đông thường niên năm tài chính 2009.

11.1.5 Tổng dư nợ vay

Tổng dư nợ vay

Đơn vị: VNĐ

Stt	Khoản mục	31/12/2007		31/12/2008		30/09/2009	
		Giá trị	% Tổng dư nợ vay	Giá trị	% Tổng dư nợ vay	Giá trị	% Tổng dư nợ vay
1.	Vay và nợ ngắn hạn	25.324.589.497	100%	35.159.141.450	100%	59.214.056.343	100%
	<i>Vay ngân hàng</i>	<i>25.324.589.497</i>	100%	<i>35.159.141.450</i>	100%	<i>45.680.456.343</i>	77,14%
	<i>Vay ngắn hạn VND</i>	0	0%	25.188.259.213	71,64%	45.680.456.343	77,14%
	<i>-Ngân hàng TMCP Hàng Hải Việt Nam</i>	0	0%	25.188.259.213	71,64%	37.339.529.482	63,06%
	<i>- Ngân hàng đầu tư và phát triển Việt Nam</i>	0	0%	0	0%	8.340.926.861	14,08%
	<i>Vay ngắn hạn USD</i>						
	<i>-Ngân hàng TMCP Hàng Hải, Việt Nam</i>	25.324.589.497	100%	9.970.882.237	28,36%	0	0%
		14.823.317.909	58,53%	9.970.882.237	28,36%	0	0%
	<i>-Ngân hàng TMCP Quốc tế Việt Nam</i>	10.501.271.588	41,47%	0	0%	0	0%
	<i>Vay cá nhân</i>	0		0	0%	13.533.600.000	22,86%
2	Vay và nợ dài hạn	0	0%	0	0%	0	0%

BẢN CÁO BẠCH NIÊM YẾT CỔ PHIẾU
CÔNG TY CỔ PHẦN CÔNG NGHỆ MẠNG VÀ TRUYỀN THÔNG

TỔNG CỘNG	25.324.589.497	100%	35.159.141.450	100%	59.214.056.343	100%
------------------	-----------------------	-------------	-----------------------	-------------	-----------------------	-------------

(Nguồn: Báo cáo tài chính của Infonet đã kiểm toán năm 2007, 2008, BCTC Quý 3/2009)

Hoạt động của công ty chủ yếu cần vốn lưu động, các dự án của công ty là cung cấp thiết bị và giải pháp công nghệ nên thời gian thường ngắn. Vì thế Dư nợ vay của Công ty chủ yếu là nợ ngắn hạn (chiếm tỷ trọng 100% so với tổng dư nợ vay), không có nợ dài hạn để tài trợ cho nhu cầu vốn lưu động. Công ty luôn hoàn trả nợ vay đúng thời hạn, không có nợ quá hạn.

Khoản vay cá nhân 13.533.600.000 đồng của Infonet tại thời điểm 30/9/2009 là của Ông Lê Ngọc Tú – Giám đốc công ty cho vay với lãi suất 0% nhằm hỗ trợ công ty mua sắm tài sản, mua ngoại tệ để đảm bảo khả năng chi trả cho đối tác khi nhập khẩu hàng hoá trong thời kỳ ngoại tệ khan hiếm và nguồn tiền của khách hàng chi trả chưa về kịp. Thời điểm 30/9/2009 tiền mặt nhiều tồn tại song song với khoản vay là do công ty vẫn phải duy trì tiền để đảm bảo khả năng chi trả tiền hàng và những hợp đồng tín dụng đã đến hạn. Số tiền công ty vay của ông Lê Ngọc Tú đang được chi trả dần phù hợp với dòng tiền của công ty. Tại thời điểm 09/12/2009 số dư nợ công ty vay ông Lê Ngọc Tú còn lại là 5.533.600.000 đồng. Việc cho Công ty vay không đem lại lợi ích cho cá nhân ông Lê Ngọc Tú.

11.1.6 Tình hình công nợ

Các khoản phải thu

Đơn vị: VNĐ

STT	Các chỉ tiêu	31/12/2007	31/12/2008	30/09/2009
1	Phải thu khách hàng	4.141.025.190	5.932.142.899	21.556.206.455
2	Trả trước cho người bán	0	9.135.692.696	6.879.115.759
3	Phải thu khác	0	0	531.288.555
TỔNG CỘNG		4.141.025.190	15.067.835.595	28.966.610.769

(Nguồn BCTC hợp nhất của Infonet đã kiểm toán năm 2007, 2008, BCTC hợp nhất Quý 3/2009)

Các khoản nợ phải trả

Đơn vị: VND

STT	Chỉ tiêu	31/12/2007	31/12/2008	30/09/2009
I	Nợ ngắn hạn	30.768.751.782	48.203.793.703	77.149.741.165
1.	Vay và nợ ngắn hạn	25.324.589.497	35.159.141.450	59.214.056.343
2	Phải trả người bán	5.033.562.282	8.115.535.603	8.869.193.678
3	Người mua trả tiền trước	91.000.000	1.881.508.613	214.318.450
4	Thuế và các khoản phải nộp NN	319.600.003	3.047.608.037	8.844.412.114
5	Phải trả người lao động	0	0	0
6	Chi phí phải trả	0	0	0
7	Các khoản phải trả, phải nộp khác	0	0	7.760.580
II	Nợ dài hạn	0	0	0
1	Vay và nợ dài hạn	0	0	0
2	Phải trả dài hạn khác	0	0	0
3	Dự phòng trợ cấp mất việc làm	0	0	0
TỔNG CỘNG		30.768.751.782	48.203.793.703	77.149.741.165

(Nguồn BCTC hợp nhất của Infonet đã kiểm toán năm 2007, 2008, BCTC hợp nhất Quý 3/2009)

Hoạt động chủ yếu của Công ty là thực hiện các dự án cung cấp thiết bị và các giải pháp công nghệ. Các dự án này thường được thanh toán sau khi hoàn thành, đồng thời Công ty cũng phải ứng trước một phần trăm nhất định để thanh toán cho các nhà cung cấp thiết bị. Chính vì thế Công ty thường bị chiếm dụng vốn.

11.2 Một số chỉ tiêu tài chính chủ yếu

STT	Chỉ tiêu	ĐVT	Năm 2007	Năm 2008	30/9/2009
-----	----------	-----	----------	----------	-----------

BẢN CÁO BẠCH NIÊM YẾT CỔ PHIẾU
CÔNG TY CỔ PHẦN CÔNG NGHỆ MẠNG VÀ TRUYỀN THÔNG

STT	Chỉ tiêu	ĐVT	Năm 2007	Năm 2008	30/9/2009
Khả năng thanh toán					
1	Hệ số thanh toán ngắn hạn	Lần	1,28	1,37	2,08
2	Hệ số thanh toán nhanh	Lần	0,43	0,70	1,17
Chỉ tiêu về cơ cấu vốn					
1	Hệ số nợ/Tổng tài sản	Lần	0,77	0,71	0,47
2	Hệ số nợ/Vốn chủ sở hữu	Lần	3,29	2,45	0,88
Chỉ tiêu về năng lực hoạt động					
1	Vòng quay hàng tồn kho	Vòng	2,08	2,63	2,05
2	Doanh thu thuần/ tổng tài sản	Lần	1,63	1,76	1,46
Tỷ suất sinh lời					
1	Hệ số Lợi nhuận sau thuế/ doanh thu thuần	%	0,04	3,15	22,45
2	Hệ số Lợi nhuận sau thuế/ vốn chủ sở hữu bình quân	%	0,19	20,62	71,10
3	Hệ số Lợi nhuận sau thuế/ tổng tài sản bình quân	%	0,06	5,54	32,79
4	Hệ số LN từ HĐKD/DTT	%	0,63	4,42	27,20

(Nguồn BCTC hợp nhất của Infonet đã kiểm toán năm 2007, 2008, BCTC hợp nhất Quý 3/2009)

Các hệ số về khả năng thanh toán, năng lực hoạt động và về khả năng sinh lời năm 2008 đều cao hơn 2007. Mặc dù nền kinh tế gặp khó khăn nhưng hiệu quả sản xuất kinh doanh của Infonet vẫn

tăng chứng tỏ tính ổn định trong hoạt động và có hiệu quả trong việc sử dụng các nguồn lực.

Nhìn vào bảng trên chúng ta có thể thấy hệ số thanh toán của Công ty khá đảm bảo, hệ số thanh toán ngắn hạn đều lớn hơn 1, hệ số thanh toán nhanh có xu hướng tăng. Khả năng thanh toán của Công ty là rất tốt, nợ vay của công ty chủ yếu là nợ ngân hàng và Công ty luôn trả nợ đúng hạn.

Hệ số nợ/ Tổng tài sản và Hệ số nợ/ Vốn chủ sở hữu có xu hướng giảm qua các năm. Tỷ lệ này đảm bảo tính an toàn trong hoạt động và thể hiện khả năng trả nợ của Công ty. 9 tháng đầu năm 2009, Hệ số nợ/ vốn chủ sở hữu giảm đáng kể (chỉ còn 0,88 lần) do Công ty tăng vốn điều lệ. Điều này khiến cho hoạt động của Công ty thêm an toàn đồng thời tạo điều kiện huy động thêm được nguồn vốn vay khi cần mở rộng sản xuất kinh doanh.

Các chỉ tiêu về năng lực hoạt động mang tính ổn định, không có sự biến động lớn.

Các chỉ tiêu về khả năng sinh lời đều biến chuyển theo chiều hướng tốt với tốc độ cao. Năm 2007, các chỉ tiêu sinh lời đều ở mức không cao, tuy nhiên năm 2008 lợi nhuận đã có sự thay đổi rõ rệt, tạo tiền đề cho các năm sau khi hoạt động của công ty đang trong giai đoạn tăng trưởng. Năm 2008 và 9 tháng đầu năm 2009, các chỉ tiêu này đều có sự tăng trưởng đột biến.

12. SƠ YẾU LÝ LỊCH CÁC THÀNH VIÊN HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ, BAN KIỂM SOÁT, BAN GIÁM ĐỐC, KẾ TOÁN TRƯỞNG

12.1 Thành viên Hội đồng quản trị

1. Ông Trần Thanh Hải - Chủ tịch HĐQT

- Họ và tên: Trần Thanh Hải
- Giới tính: Nam
- Số CMTND/Hộ chiếu: 0101122893 Cấp ngày 29/10/2003 Nơi cấp: CA Hà Nội
- Ngày, tháng, năm sinh: 1/1/1974
- Nơi sinh: Hà Nội
- Quốc tịch: Việt Nam
- Dân tộc: Kinh
- Quê quán: Hà Nội
- Địa chỉ thường trú: số 3 ngách 25/59 Vũ Ngọc Phan, Đống Đa, Hà Nội
- Số điện thoại liên lạc: 04.37730793
- Trình độ văn hoá: 12/12
- Trình độ chuyên môn: Kỹ sư - CNTT
- Quá trình công tác:
 - Từ 1995-2000: Công ty liên doanh thiết bị tổng đài VKX
 - Từ 2001-2005: Công ty thương mại và phát triển công nghệ HTT
 - Từ 2003- nay. Công ty CP Infonet
- Chức vụ đang nắm giữ tại Công ty: Chủ tịch HĐQT

- Chức vụ đang nắm giữ tại tổ chức khác: không
- Số cổ phần nắm giữ (tại thời điểm 09/12/2009): **1.440.000** cổ phần

Trong đó: Cá nhân sở hữu: **1.440.000** cổ phần

Đại diện sở hữu: **0** cổ phần

- Số cổ phần do người có liên quan nắm giữ (tại thời điểm 09/12/2009): **0** cổ phần
- Hành vi vi phạm pháp luật (nếu có): Không
- Quyền lợi mâu thuẫn với lợi ích Công ty: Không
- Những khoản nợ đối với công ty: không
- Lợi ích liên quan đối với công ty: không

2. Ông Lê Ngọc Tú - Ủy viên HĐQT

- Họ và tên: **Lê Ngọc Tú**
- Giới tính: **Nam**
- Số CMTND: **011963841** Ngày cấp: **10/07/1996** Nơi cấp: **CA Hà Nội**
- Ngày tháng năm sinh: **02/08/1975**
- Nơi sinh: **Hà Nội**
- Quốc tịch: **Việt Nam**
- Dân tộc: **Kinh**
- Quê quán: **Thanh Hoá**
- Địa chỉ thường trú: **85, Tổ 24 Phường Lĩnh Nam, Hoàng Mai, HN**
- Số điện thoại liên lạc: **04.37730793**
- Trình độ văn hoá: **12/12**

- Trình độ chuyên môn: Kỹ sư CNTT
- Quá trình công tác:
 - Từ 1998-2003: Công ty thương mại và phát triển công nghệ HTT
 - Từ 2003- nay: Công ty CP Infonet
- Chức vụ hiện đang nắm giữ tại Công ty: Giám đốc kiêm Ủy viên HĐQT
- Chức vụ hiện đang nắm giữ tại tổ chức khác: không
- Số cổ phần đang nắm giữ (*tại thời điểm 09/12/2009*): **1.280.000** cổ phần

Trong đó: Cá nhân sở hữu: **1.280.000** cổ phần

Đại diện sở hữu: **0** cổ phần

- Số cổ phần do người có liên quan nắm giữ (*tại thời điểm 09/12/2009*): **0** cổ phần
- Hành vi vi phạm pháp luật: Không
- Quyền lợi mâu thuẫn với lợi ích Công ty: không
- Những khoản nợ đối với công ty: không
- Lợi ích liên quan đến công ty: không

3. Ông Lê Thành Trung - Ủy viên HĐQT

- Họ và tên: **Lê Thành Trung**
- Giới tính: **Nam**
- Số CMND: **012847076** Ngày cấp: **29/12/2005** Nơi cấp: **CA Hà Nội**
- Ngày tháng năm sinh: **03/7/1980**
- Nơi sinh: **Quảng Ninh**
- Quốc tịch: **Việt Nam**

- Dân tộc: Kinh
- Quê quán: Quảng Ninh
- Địa chỉ thường trú: số 8 Lô 3A Trung Yên 11, Trung Hoà, Cầu Giấy, Hà Nội
- Số điện thoại liên lạc: 04.37730793
- Trình độ văn hoá: 12/12
- Trình độ chuyên môn: Cử nhân kinh tế
- Quá trình công tác:
 - Từ 2002-2003: Kiểm toán viên - Công ty Ernst & Young Việt Nam
 - Từ 2003-2005: Kiểm toán viên cao cấp - Công ty kiểm toán ICA
 - Từ 2005-03/2006: Chuyên viên phòng Tư vấn - Công ty Chứng khoán Thăng Long
 - Từ 2002-2007: Giám đốc - Chi nhánh Công ty TNHH Đức Mỹ
 - Từ 2006-3/2007: Tổng Giám đốc - Công ty Cổ phần Chứng khoán Alpha
 - Từ 3/2007- 8/2007: Phó Tổng giám đốc - Giám đốc phụ trách phân tích và quản lý quỹ - Công ty Đầu tư tài chính VMF Việt Nam
 - Từ 8/2007-12/2008: Trưởng ban - Công ty Tài chính Dầu khí
 - Từ 1/2009-nay: Tư vấn cho HĐQT - Công ty Cổ phần Công nghệ Mạng và Truyền thông
- Chức vụ hiện đang nắm giữ tại Công ty: Phó giám đốc kiêm UV hội đồng quản trị
- Chức vụ hiện đang nắm giữ tại tổ chức khác: không
- Số cổ phần đang nắm giữ (*tại thời điểm 09/12/2009*): **798.330** cổ phần

Trong đó: Cá nhân sở hữu: **798.330** cổ phần

Đại diện sở hữu: **0** cổ phần

- Số cổ phần do người có liên quan nắm giữ (*tại thời điểm 09/12/2009*): **0** cổ phần
- Hành vi vi phạm pháp luật: Không
- Quyền lợi mâu thuẫn với lợi ích Công ty: không
- Những khoản nợ đối với công ty: không
- Lợi ích liên quan đến công ty: không

4. Ông Đinh Hoài Châu - Ủy viên HĐQT

- Họ và tên: **Đinh Hoài Châu**
- Giới tính: **Nam**
- Số CMTND: **023316188 cấp ngày: 10/11/1998 tại: CA TP.HCM**
- Ngày tháng năm sinh: **08/11/1976**
- Nơi sinh: **Hà Nội**
- Quốc tịch: **Việt Nam**
- Dân tộc: **Kinh**
- Quê quán: **Nghệ An**
- Địa chỉ thường trú: **44/5A Lê Lợi, Phường 04, quận Gò Vấp, TP.HCM**
- Số điện thoại liên lạc: **04.39428076**
- Trình độ văn hoá: **12/12**
- Trình độ chuyên môn: **Cử nhân kinh tế**
- Quá trình công tác:
 - Từ 1994-1998: Sinh viên Khoa Tài chính Tín dụng Trường Đại học Kinh tế TP HCM
 - Từ 1999-2001: Đại học RMIT – Australia

- Từ 2001-2004: Kế toán quản trị – Công ty Unique Bags & Luggage Pty Ltd – Australia
- Từ 2004-2007: Trưởng phòng Kế toán Quản trị – Công ty Caarels Group Pty LTD – Australia
- Từ 08/2007-12/2008: Giám đốc CNHN – Công ty Chứng khoán Sacombank
- Từ 01/2009-nay: Phó Tổng Giám đốc – Công ty Chứng khoán Sacombank
- Chức vụ hiện đang nắm giữ tại Công ty: Ủy viên HĐQT
- Chức vụ hiện đang nắm giữ tại tổ chức khác: Phó Tổng Giám đốc kiêm Giám đốc Chi nhánh Hà Nội – Công ty Chứng khoán Sacombank
- Số cổ phần đang nắm giữ (*tại thời điểm 09/12/2009*): 0 cổ phần

Trong đó: Cá nhân sở hữu: 0 cổ phần

Đại diện sở hữu: 0 cổ phần

- Số cổ phần do người có liên quan nắm giữ (*tại thời điểm 09/12/2009*): 1.170.000 cổ phần
Công ty TNHH MTV Chứng khoán Ngân hàng Sài Gòn Thương Tín: 1.170.000 cổ phần
- Hành vi vi phạm pháp luật: Không
- Quyền lợi mâu thuẫn với lợi ích Công ty: không
- Những khoản nợ đối với công ty: không
- Lợi ích liên quan đối với công ty: không

5. Ông Nguyễn Hoàng Văn - Ủy viên HĐQT

- Họ và tên: **Nguyễn Hoàng Văn**
- Giới tính: **Nam**
- Số CMND: **011639764** Ngày cấp: 28/01/1999 Nơi cấp: CA Hà Nội
- Ngày tháng năm sinh: **09/05/1973**

- Nơi sinh: Hà Nội
- Quốc tịch: Việt Nam
- Dân tộc: Kinh
- Quê quán: Hà Tây
- Địa chỉ thường trú: 34 Minh Khai – Quận Hai Bà Trưng– Hà nội
- Số điện thoại liên lạc: 04-3577 3388
- Trình độ văn hoá: 12/12
- Trình độ chuyên môn: Thạc sỹ quản trị kinh doanh
- Quá trình công tác:
 - Từ 1990-1995: Sinh viên Khoa Luật – Trường Đại học Tổng hợp Quốc Gia
 - Từ 1995-1996: Cán bộ phòng quản lý nhân sự - Công ty liên doanh ô tô Daweoo Motor Việt nam
 - Từ 1996-2002: Trưởng phòng quản trị dự án – Công ty xây dựng Hazama Nhật bản
 - Từ 2003-2005: Sinh viên trường Đại học Deakin - Australia – Thạc sỹ quản trị kinh doanh
 - Từ 2006-nay: Trưởng ban tài chính & kiểm soát dự án – C.ty Nokia Siemens Networks Việt nam
- Chức vụ hiện đang nắm giữ tại Công ty: Ủy viên HĐQT
- Chức vụ hiện đang nắm giữ tại tổ chức khác: Trưởng ban tài chính & kiểm soát dự án – Công ty Nokia Siemens Network Việt nam
- Số cổ phần đang nắm giữ (*tại thời điểm 09/12/2009*): 0 cổ phần

Trong đó: Cá nhân sở hữu: 0 cổ phần

Đại diện sở hữu: **0** cổ phần

- Số cổ phần do người có liên quan nắm giữ (*tại thời điểm 09/12/2009*): **0** cổ phần
- Hành vi vi phạm pháp luật: Không
- Quyền lợi mâu thuẫn với lợi ích Công ty: Không
- Những khoản nợ đối với công ty: không
- Lợi ích liên quan đối với công ty: không

12.2 Thành viên Ban Giám đốc

1. Ông Lê Ngọc Tú – Giám đốc

(Sơ yếu lý lịch như phần 12.1 nêu trên)

2. Ông Nguyễn Tuấn Anh - Phó Giám đốc

- Họ và tên: **Nguyễn Tuấn Anh**
- Giới tính: **Nam**
- Số CMND: **011669094** Ngày cấp: **25/08/2003** Nơi cấp: **CA Hà Nội**
- Ngày tháng năm sinh: **9/11/1973**
- Nơi sinh: **Hà Nội**
- Quốc tịch: **Việt Nam**
- Dân tộc: **Kinh**
- Quê quán: **Hà Nội**
- Địa chỉ thường trú: **P3-D2, T2 Lâm Nghiệp, Quỳnh Lôi, Hà Nội**
- Số điện thoại liên lạc: **04.37730793**

- Trình độ văn hoá: 12/12
- Trình độ chuyên môn: Kỹ sư CNTT.
- Quá trình công tác:
 - Từ 1993- 1998: Motorola Vietnam
 - Từ 1998-2003 Công ty thương mại và phát triển công nghệ HTT
 - Từ 2003- nay. Công ty CP Infonet
- Chức vụ hiện đang nắm giữ tại Công ty: Phó giám đốc
- Chức vụ hiện đang nắm giữ tại tổ chức khác: không
- Số cổ phần đang nắm giữ (*tại thời điểm 09/12/2009*): 0 cổ phần

Trong đó: Cá nhân sở hữu: 0 cổ phần

Đại diện sở hữu: 0 cổ phần

- Số cổ phần do người có liên quan nắm giữ (*tại thời điểm 09/12/2009*): 0 cổ phần
- Hành vi vi phạm pháp luật: Không
- Quyền lợi mâu thuẫn với lợi ích Công ty: không
- Những khoản nợ đối với công ty: không
- Lợi ích liên quan đối với công ty: không

3. Ông Lê Thành Trung – Phó Giám đốc

(Sơ yếu lý lịch như phần 12.1 nêu trên)

12.3 Thành viên Ban kiểm soát

1. Ông Lê Bá Hoàng Quang - Trưởng Ban kiểm soát

- Họ và tên: **Lê Bá Hoàng Quang**

- Giới tính: Nam
- Số CMND: 012585438 Cấp ngày 24/03/2003 Nơi cấp: Hà Nội
- Ngày tháng năm sinh: 10/09/1977
- Nơi sinh: Hải Phòng
- Quốc tịch: Việt Nam
- Dân tộc: Kinh
- Quê quán: Hải Phòng
- Địa chỉ thường trú: 155K – Tổ 10A – Phường Trung Liệt - Đống Đa – Hà Nội
- Số điện thoại liên lạc: 04.9428076
- Trình độ văn hoá: 12/12
- Trình độ chuyên môn: Thạc sỹ tài chính
- Quá trình công tác:
 - Từ 1995-1999: Sinh viên Khoa Ngân hàng – Tài chính Trường Đại học Kinh tế Quốc dân
 - Từ 1999-2000: Chuyên viên kinh doanh – Công ty Thương mại Việt Hàn
 - Từ 2000-2001: Phó Phòng kinh doanh – Công ty Thương mại Việt Hàn
 - Từ 2001-2003: Chuyên viên tài chính – Bưu điện TP Hà Nội
 - Từ 2003-2005: Sinh viên Đại học Monash – Australia
 - Từ 2006-2007: Giảng viên dự án DANIDA – Học viện Hành chính Quốc gia
 - Từ 2008-06/2009: Trưởng phòng Phân tích – Công ty Chứng khoán Sacombank CNHN
 - Từ 07/2009-nay: Phó Giám đốc CNHN – Công ty Chứng khoán Sacombank
- Chức vụ hiện đang nắm giữ tại Công ty: Trưởng ban kiểm soát

- Chức vụ hiện đang nắm giữ tại tổ chức khác: Phó Giám đốc Chi nhánh Hà Nội – Công ty Chứng khoán Sacombank
- Số cổ phần đang nắm giữ (*tại thời điểm 09/12/2009*): **5.000** cổ phần

Trong đó: Cá nhân sở hữu: **5.000** cổ phần

Đại diện sở hữu: **0** cổ phần
- Số cổ phần do người có liên quan nắm giữ (*tại thời điểm 09/12/2009*): **1.170.000** cổ phần

Công ty TNHH MTV Chứng khoán Ngân hàng Sài Gòn Thương Tín: 1.170.000 cổ phần
- Hành vi vi phạm pháp luật: Không
- Quyền lợi mâu thuẫn với lợi ích Công ty: Không
- Những khoản nợ đối với công ty: không
- Lợi ích liên quan đến công ty: không

2. Ông Lương Ngọc Tuấn – Thành viên BKS

- Họ và tên: **Lương Ngọc Tuấn**
- Giới tính: **Nam**
- Số CMND: **011924662** Ngày cấp: **28/08/2003** Nơi cấp: **CA Hà Nội**
- Ngày tháng năm sinh: **27/06/1978**
- Nơi sinh: **Thái Bình**
- Quốc tịch: **Việt Nam**
- Dân tộc: **Kinh**
- Quê quán: **Thái Bình**
- Địa chỉ thường trú: **5/104 Lê Trọng Tấn, Khương Mai, Thanh Xuân, Hà Nội**

- Số điện thoại liên lạc: 04 3773 0793
- Trình độ văn hoá: 12/12
- Trình độ chuyên môn: Kỹ sư Điện tử-Viễn thông
- Quá trình công tác:
 - Từ 2002-2004: Công ty TNHH Tin học Viễn Thông và Thương mại HTT (HTT Co.,Ltd) - Phát triển phần mềm trong lĩnh vực Viễn thông
 - Từ 2004-2008: Công ty CP Dịch vụ Tư vấn Đầu tư và Thương mại I-M (IMTV., JSC)- Phụ trách về Công nghệ thông tin
 - Từ 2008- nay: Công ty CP Công nghệ mạng và Truyền thông (INFONET., JSC)
- Chức vụ hiện đang nắm giữ tại Công ty: Thành viên BKS
- Chức vụ hiện đang nắm giữ tại tổ chức khác: Không
- Số cổ phần đang nắm giữ (*tại thời điểm 09/12/2009*): 0 cổ phần
 - Trong đó:* Cá nhân sở hữu: 0 cổ phần
 - Đại diện sở hữu: 0 cổ phần
- Số cổ phần do người có liên quan nắm giữ (*tại thời điểm 09/12/2009*): không
- Hành vi vi phạm pháp luật: Không
- Quyền lợi mâu thuẫn với lợi ích Công ty: Không
- Những khoản nợ đối với công ty: không
- Lợi ích liên quan đến công ty: không

3. Bà Trần Thị Mai Lan – Thành viên Ban kiểm soát

- Họ và tên: Trần Thị Mai Lan
- Giới tính: Nữ

- Số CMTND: 011875075 Ngày cấp: 27/03/1995 Nơi cấp: CA Hà Nội
- Ngày tháng năm sinh: 23/11/1978
- Nơi sinh: Hà Nội
- Quốc tịch: Việt Nam
- Dân tộc: Kinh
- Quê quán: Vĩnh Phú
- Địa chỉ thường trú: Số 8/91 Chùa Láng, Đống Đa, Hà Nội
- Số điện thoại liên lạc: 04. 3773 0793
- Trình độ văn hoá: 12/12
- Trình độ chuyên môn: Cử nhân kinh tế
- Quá trình công tác:
 - Ngày 01/01/2000 – 1/12/2001: Công ty HANARTEX – Trưởng nhóm kinh doanh
 - Ngày 01/01/2001 – 1/12/2003: Công ty SECOIN – Nhân Viên phòng R&D
 - Ngày 01/01/2004 – nay: Công ty CP Công nghệ mạng và truyền thông – Nhân viên XNK
- Chức vụ hiện đang nắm giữ tại Công ty: Thành viên BKS
- Chức vụ hiện đang nắm giữ tại tổ chức khác: không
- Số cổ phần đang nắm giữ (*tại thời điểm 09/12/2009*): 0 cổ phần

Trong đó: Cá nhân sở hữu: 0 cổ phần

Đại diện sở hữu: 0 cổ phần
- Số cổ phần do người có liên quan nắm giữ (*tại thời điểm 09/12/2009*): 0 cổ phần
- Hành vi vi phạm pháp luật: Không

- Quyền lợi mâu thuẫn với lợi ích Công ty: Không
- Những khoản nợ đối với công ty: không
- Lợi ích liên quan đến công ty: không

12.4 Kế toán trưởng

Bà Chu Thị Hiền – kế toán trưởng

- Họ và tên: **Chu Thị Hiền**
- Giới tính: **Nữ**
- Số CMTND: **011927027** Ngày cấp: **28/09/2006** Nơi cấp: **CA Hà Nội**
- Ngày tháng năm sinh: **28/07/1977**
- Nơi sinh: **Bắc Ninh**
- Quốc tịch: **Việt Nam**
- Dân tộc: **Kinh**
- Quê quán: **Bắc Ninh**
- Địa chỉ thường trú: **Số 16 ngõ 10 phố 8/3, phường Quỳnh Mai, quận Hai Bà Trưng, Hà Nội**
- Số điện thoại liên lạc: **043.7730793**
- Trình độ văn hoá: **12/12**
- Trình độ chuyên môn: **Cử nhân kinh tế**
- Quá trình công tác:
 - Từ 2000 – 2002 làm kế toán tổng hợp tại Công ty TNHH Bích Ngọc
 - Từ 2002-2005 làm kế toán tổng hợp tại Công ty TNHH Việt Hưng; Công ty CP tư Vấn Việt

Mỹ; Cty TNHH TM Phúc Hằng; kế toán trưởng Công ty TNHH TM và DL Toàn Tâm

- Từ 2005- 2006 làm kế toán thuế tại Công ty cổ phần công nghệ mạng và Truyền Thông
- Từ 2006- nay làm kế toán trưởng tại Công ty cổ phần công nghệ mạng và Truyền Thông
- Chức vụ hiện đang nắm giữ tại Công ty: Kế toán trưởng
- Chức vụ hiện đang nắm giữ tại tổ chức khác: Không
- Số cổ phần đang nắm giữ (*tại thời điểm 09/12/2009*): 0 cổ phần

Trong đó: Cá nhân sở hữu: 0 cổ phần

Đại diện sở hữu: 0 cổ phần

- Số cổ phần do người có liên quan nắm giữ (*tại thời điểm 09/12/2009*): 0 cổ phần
- Hành vi vi phạm pháp luật: Không
- Quyền lợi mâu thuẫn với lợi ích Công ty: Không
- Những khoản nợ đối với công ty: không
- Lợi ích liên quan đến công ty: không

13. TÀI SẢN

Tình hình Tài sản cố định đến ngày 30/09/2009

Đơn vị: đồng

Khoản mục	31/12/2007	31/12/2008	30/09/2009
	Giá trị còn lại	Giá trị còn lại	Giá trị còn lại
TSCĐ hữu hình	459.062.125	1.491.137.474	4.206.202.972
Máy móc thiết bị	10.204.082	8.503.402	7.227.892
Phương tiện vận tải truyền dẫn	309.079.266	1.249.492.610	2.442.817.570
Thiết bị dụng cụ quản lý	139.778.777	233.141.462	357.608.420
Tài sản cố định khác			1.398.549.090
TSCĐ vô hình	402.607.315	205.766.637	117.188.332
Tổng cộng	861.669.440	1.696.904.111	4.323.391.304

(Nguồn BCTC hợp nhất của Infonet đã kiểm toán năm 2007, 2008, BCTC hợp nhất Quý 3/2009)

Tài sản cố định của Công ty chiếm tỷ trọng không cao trong tổng tài sản, đây cũng là đặc thù chung của các doanh nghiệp thương mại và cung cấp dịch vụ. Tài sản cố định hữu hình chủ yếu là phương tiện vận tải và truyền dẫn, tài sản cố định vô hình chủ yếu là phần mềm phục vụ cho việc cung cấp dịch vụ. Công ty không sở hữu các tài sản là đất đai và bất động sản.

14. KẾ HOẠCH SẢN XUẤT, KINH DOANH, LỢI NHUẬN VÀ CỔ TỨC TRONG NHỮNG NĂM TIẾP THEO

14.1 Định hướng và mục tiêu phát triển của Công ty cổ phần Công nghệ mạng và truyền thông

Chiến lược và dự định kinh doanh trong các năm tới

- Tăng cường chất lượng quản lý và chất lượng dịch vụ nhằm thoả mãn ngày càng tốt hơn các yêu cầu của khách hàng.
- Tập trung nghiên cứu các giải pháp và công nghệ ứng dụng cho mạng hệ thống 3G mới.
- Tăng cường công tác đào tạo nhân viên, xây dựng văn hoá công ty, lấy yếu tố con người làm trọng tâm cho sự phát triển của công ty.
- củng cố và xây dựng quan hệ với các đối tác công nghệ hàng đầu, lấy chất lượng sản phẩm và dịch vụ là yếu tố hàng đầu trong chiến lược kinh doanh của công ty.
- Tiến tới tái cấu trúc công ty theo mô hình công ty mẹ/con nhằm chuyên nghiệp hoá các bộ phận kinh doanh, dịch vụ và đầu tư.

Mục tiêu kinh doanh chính trong năm

- Mục đích chính của Công ty là phát triển thị trường công nghệ thông tin trong nước góp phần thúc đẩy tốc độ tăng trưởng của ngành công nghệ thông tin – một lĩnh vực kinh doanh tương đối rộng mở và thu được lợi nhuận cao tại Việt Nam, tập trung vào xây dựng và phát triển các giải pháp tổng thể cho hệ thống ngân hàng, bưu điện, công ty viễn thông và các doanh nghiệp,...
- Với mục đích xây dựng Infonet trở thành một trong những công ty hàng đầu về cung cấp vật tư thiết bị công nghệ thông tin và viễn thông, nên Infonet vẫn không ngừng khuyến khích sản phẩm, mở rộng thị phần nhằm đạt được doanh thu cao nhất, cung cấp cho khách hàng dịch vụ hoàn hảo nhất và bằng giá thiết bị hợp lý nhất. Công ty đặt mục tiêu duy trì tốc độ tăng trưởng 10-15%/năm

14.2 Một số chỉ tiêu kế hoạch sản xuất kinh doanh, lợi nhuận và cổ tức

Kế hoạch lợi nhuận và cổ tức

Đơn vị: Triệu đồng

Stt	Chỉ tiêu	Năm 2009	Năm 2010		Năm 2011	
			Giá trị	+-%/2009	Giá trị	+-%/2010
1	Vốn điều lệ	80.000	80.000	0	80.000	0
2	Doanh thu thuần	200.000	245.000	22,5	280.000	14,3
3	Lợi nhuận sau thuế	50.000	55.000	10	60.000	9
4	LNST/Doanh thu thuần	25%	22,45%		21,43%	
5	LNST/Vốn điều lệ bình quân	95%	69%		75%	
6	Tỷ lệ trả cổ tức/mệnh giá	60%	60%		65%	

(Nguồn: CTCP Công nghệ mạng và truyền thông)

Ngày 25/9/2009 Công ty đã trả cổ tức đợt 1 năm 2009 với tỷ lệ là 100%/ mệnh giá (trị giá 30 tỷ đồng với do vốn điều lệ tại thời điểm đó là 30 tỷ đồng). Dự tính công ty sẽ trả cổ tức cho cổ đông năm 2009 là 60% /vốn điều lệ (tính trên số vốn điều lệ là 80 tỷ đồng).

14.3 Căn cứ đạt kế hoạch lợi nhuận và cổ tức

Biện pháp thực hiện mục tiêu kinh doanh

- Vay vốn ngắn hạn theo phương thức hạn mức để bổ sung vốn lưu động kinh doanh thiết bị viễn thông tin học, thanh toán và chi trả các bạn hàng tùy theo từng thời điểm giải ngân.
- Với hoạt động là cung cấp cho khách hàng các dịch vụ truyền thông và công nghệ thông tin hoàn hảo, cùng với việc tư vấn, hỗ trợ khách hàng về kỹ thuật, tài chính cho các dự án, lập dự toán các hạng mục kỹ thuật phát sinh, đưa ra các kiến nghị sản phẩm cùng với biểu giá

hợp lý nên trong thời gian qua công ty đã không ngừng mở rộng được thị trường và xây dựng được một hệ thống khách hàng thường xuyên quan trọng.

- Công ty có quan hệ hợp tác kinh doanh với rất nhiều cơ quan và tổ chức khác, những quan hệ này cũng đem lại cho Công ty nguồn lợi nhuận đáng kể giúp quay nhanh vòng vốn, bù đắp chi phí.
- Công ty cũng tích cực tìm kiếm, tạo lập uy tín với bạn hàng để luôn dành được ưu thế về nguồn hàng đảm bảo cung cấp thường xuyên và liên tục cho khách hàng. Ngoài việc nhập khẩu thiết bị truyền số liệu từ các bạn hàng nước ngoài, Công ty cũng chủ động tìm nguồn cung cấp nội địa nhằm đa dạng hoá kinh doanh.
- Ngoài dịch vụ cung cấp phần cứng, Infonet còn tập trung vào đầu tư phát triển phần mềm góp phần tạo nên nền tảng vững chắc cho ngành công nghệ thông tin trong nước, như cung cấp hệ thống phần mềm điều khiển cho toà nhà Tổng công ty Sông Đà. Hệ thống nhúng (là hệ thống phần mềm cài đặt vào thiết bị để vận hành thiết bị đó) cho điều khiển tự động cho Công ty liên doanh Toyota Việt Nam, phần mềm điều khiển giám sát thiết bị truyền thông và hệ thống bảo mật cho Ngân hàng nông nghiệp và phát triển nông thôn Việt Nam và rất nhiều dự án đã được triển khai khác.

15. ĐÁNH GIÁ CỦA TỔ CHỨC TƯ VẤN VỀ KẾ HOẠCH LỢI NHUẬN - CỔ TỨC

Với tư cách là tổ chức tư vấn, Công ty TNHH MTV Chứng khoán Ngân hàng Sài Gòn Thương tín – chi nhánh Hà Nội xin đưa ra đánh giá về hoạt động kinh doanh của Công ty Cổ phần Công nghệ mạng và truyền thông trong giai đoạn 2009 - 2011 dựa trên cơ sở thu thập thông tin, nghiên cứu phân tích thực trạng hoạt động sản xuất kinh doanh và tình hình tài chính hiện nay của Công ty Cổ phần Công nghệ mạng và truyền thông. Công ty Cổ phần TNHH MTV Chứng khoán Ngân hàng Sài Gòn Thương tín – chi nhánh Hà Nội cho rằng kế hoạch lợi nhuận và cổ tức dự kiến của Công ty Cổ phần Công nghệ mạng và truyền thông trong giai đoạn 2009 - 2011 là phù hợp và khả thi nếu không có những biến động bất thường và bất khả kháng tác động tới hoạt động kinh

doanh của doanh nghiệp.

Chúng tôi lưu ý rằng, các ý kiến nhận xét của chúng tôi được đưa ra dưới góc độ đánh giá của một tổ chức tư vấn, dựa trên những cơ sở thông tin được thu thập có tính chọn lọc và dựa trên lý thuyết về tài chính, chứng khoán mà không hàm ý bảo đảm giá trị của chứng khoán cũng như tính chắc chắn của những số liệu được dự báo. Các nhận xét này chỉ mang tính tham khảo với nhà đầu tư khi tự mình ra quyết định đầu tư.

16. THÔNG TIN CÓ LIÊN QUAN VỀ NHỮNG CAM KẾT CHƯA THỰC HIỆN CỦA TỔ CHỨC NIÊM YẾT

Không có

17. CÁC THÔNG TIN, CÁC TRANH CHẤP KIẾN TỤNG LIÊN QUAN TỚI CÔNG TY MÀ CÓ THỂ ẢNH HƯỞNG ĐẾN GIÁ CẢ CHỨNG KHOÁN

Không có

V. CỔ PHIẾU NIÊM YẾT

1. TÊN CỔ PHIẾU

Cổ phiếu Công ty Cổ phần Công nghệ mạng và truyền thông

2. LOẠI CHỨNG KHOÁN

Cổ phần phổ thông

3. MỆNH GIÁ

10.000 (Mười nghìn) đồng/cổ phần

4. TỔNG SỐ LƯỢNG ĐĂNG KÝ NIÊM YẾT

8.000.000 (Tám triệu) cổ phần

5. TỔNG GIÁ TRỊ NIÊM YẾT THEO MỆNH GIÁ

80.000.000.000 (Tám mươi tỷ) đồng

6. SỐ LƯỢNG CỔ PHIẾU BỊ HẠN CHẾ CHUYỂN NHƯỢNG THEO QUY ĐỊNH CỦA PHÁP LUẬT VÀ CỦA CÔNG TY

6.1. Hạn chế chuyển nhượng cổ phần đối với cổ đông sáng lập

Không có

6.2. Hạn chế chuyển nhượng cổ phần đối với thành viên HĐQT, Ban giám đốc, Ban kiểm soát và Kế toán trưởng

Căn cứ theo Điều 9, khoản d, Nghị định 14/2007/NĐ-CP ban hành ngày 19/01/2007, cổ đông là thành viên HĐQT, Ban kiểm soát, Ban giám đốc, và Kế toán trưởng của Công ty phải cam kết nắm giữ 100% số cổ phiếu do mình sở hữu và đại diện trong thời gian 6 tháng kể từ ngày niêm yết và 50% số cổ phiếu này trong thời gian 6 tháng tiếp theo.

Như vậy số cổ phiếu thuộc sở hữu cá nhân và đại diện mà các thành viên trên nắm giữ sẽ bị hạn

BẢN CÁO BẠCH NIÊM YẾT CỔ PHIẾU
CÔNG TY CỔ PHẦN CÔNG NGHỆ MẠNG VÀ TRUYỀN THÔNG

chế chuyển nhượng. Số lượng cổ phiếu và thời gian hạn chế chuyển nhượng cụ thể như sau:

Số lượng cổ phần của cổ đông là thành viên HĐQT, BGD, BKS, KTT

Stt	Họ và tên	Chức vụ	Số lượng cổ phần đang nắm giữ	Tỷ lệ trên vốn điều lệ
1.	Trần Thanh Hải	CT HĐQT	1.440.000	18%
2.	Lê Ngọc Tú	Ủy viên HĐQT kiêm Giám đốc	1.280.000	16%
3.	Lê Thành Trung	Ủy viên HĐQT kiêm Phó Giám đốc	798.330	9,98%
4.	Đinh Hoài Châu	Ủy viên HĐQT	0	0%
5.	Nguyễn Hoàng Văn	Ủy viên HĐQT	0	0%
6.	Lê Ngọc Tú	Giám đốc kiêm Ủy viên HĐQT	Như trên	Nt
7.	Nguyễn Tuấn Anh	Phó Giám đốc	0	0%
8.	Lê Thành Trung	Phó giám đốc kiêm Ủy viên HĐQT	Như trên	Nt
9.	Lê Bá Hoàng Quang	Trưởng BKS	5.000	0,06%
10.	Lương Ngọc Tuấn	Thành viên BKS	0	0%
11.	Trần Thị Mai Lan	Thành viên BKS	0	0%
12.	Chu Thị Hiền	Kế toán trưởng	0	0%
Tổng cộng			3.523.330	44,04%

(Nguồn:CTCP Công nghệ mạng và truyền thông)

7. PHƯƠNG PHÁP TÍNH GIÁ

Công ty TNHH MTV Chứng khoán Ngân hàng Sài Gòn Thương Tín chi nhánh Hà Nội xác định giá niêm yết dự kiến trên cơ sở đánh giá tiềm năng phát triển của Công ty Cổ phần Công nghệ Mạng

và Truyền thông trong những năm tới. Công ty đã xây dựng kế hoạch doanh thu, lợi nhuận thận trọng dựa trên xu hướng của thị trường và khả năng nội tại của Công ty.

Trên cơ sở đó SBS đã thực hiện một số phương pháp định giá để xác định giá của Công ty Cổ phần Công nghệ Mạng và Truyền thông như chiết khấu dòng tiền và chỉ số so sánh. Tuy nhiên, trong tình hình thị trường biến động hiện nay, việc áp dụng phương pháp P/E là hợp lý và có thể áp dụng được. Vì thế SBS sử dụng phương pháp P/E (tại thời điểm 30/9/2009) là một phương pháp để tính giá.

Ngoài ra, SBS còn tính thêm giá trị sổ sách tại thời điểm 30/09/2009 và tham khảo giá giao dịch trên thị trường OTC thời điểm gần nhất

- Giá trị sổ sách (BV) tại thời điểm 30/9/2009

Tổng tài sản – Tổng nợ – Tài sản vô hình

Giá trị sổ sách 1 CP = -----

Số cổ phần đang lưu hành

STT	Chỉ tiêu	Giá trị (đồng)
1	Tổng tài sản	164.767.481.023
2	Tổng nợ	77.149.741.165
3	Tài sản vô hình	117.188.332
4	Giá trị sổ sách vốn chủ sở hữu (1-2-3)	87.500.551.526
5	Số lượng cổ phần đang lưu hành	7.750.000
6	Giá trị sổ sách trên 1 cổ phiếu (4:5)	11.290

- Phương pháp tính P/E

Lợi nhuận 4 quý gần nhất

EPS (30/09/2009) =-----

Số cổ phần lưu hành bình quân 4 quý gần nhất

Giá cổ phiếu = EPS x P/E

STT	Chỉ tiêu	Giá trị (đồng)
1	Lợi nhuận 4 quý gần nhất	39.811.066.712
2	Số cổ phần lưu hành bình quân 4 quý gần nhất	2.116.301
3	Lợi nhuận sau thuế trên 1 cổ phiếu (EPS) (1:2)	18.812
4	Hệ số P/E bình quân ngành	6,2
5	Giá cổ phiếu tính theo phương pháp P/E (đồng/cổ phiếu) (3x4)	116.634

- P/E tính tại thời điểm 30/9/2009 nên lấy lợi nhuận 4 quý gần nhất bao gồm lợi nhuận quý 4/2008 và 3 quý đầu năm 2009.
- Hệ số P/E bình quân ngành thương mại theo tính toán của Sacombank- SBS trung bình tháng 11/2009 là 6,2.
- Tham khảo giá trên thị trường OTC trong 9 tháng đầu năm 2009 (theo bộ phận OTC – Sacombank – SBS CN Hà Nội) cổ phiếu của Công ty được giao dịch, mức giá giao dịch bình quân được giữ tương đối ổn định với mức giá bình quân là 50.000 đồng/CP.

Tổng hợp các phương pháp trên:

Phương pháp	Giá (đồng/cp)	Tỷ trọng	Giá trị (đồng/cp)
BV (30/9/2009)	11.290	0,2	2.258
P/E	116.634	0,3	34.990
Tham khảo giá thị trường OTC	50.000	0,5	25.000
Tổng			62.248

Bên cạnh các cách tính toán trên, chúng tôi nhận thấy Infonet có những lợi thế sau:

- Nhu cầu về thiết bị công nghệ viễn thông ngày càng lớn do việc áp dụng công nghệ vào hoạt động sản xuất kinh doanh của các doanh nghiệp ngày càng cao, sự gia tăng cạnh tranh khiến cho các nhà cung cấp dịch vụ viễn thông phải đa dạng hoá, hiện đại hoá các loại hình dịch vụ cung cấp dẫn tới nhu cầu đổi mới công nghệ. Thị trường thiết bị công nghệ viễn thông ngày

càng được mở rộng là một cơ hội lớn đối với Infonet.

- Công ty đã xây dựng được uy tín trong lĩnh vực cung cấp thiết bị công nghệ, viễn thông đồng thời độc quyền phân phối thiết bị hội nghị truyền hình.
- Công ty đã xây dựng được một hệ thống khách hàng truyền thống bao gồm các ngân hàng lớn, các nhà cung cấp dịch vụ viễn thông,...
- Bên cạnh đó, Infonet còn ký kết thêm được một số hợp đồng lớn được thực hiện trong năm 2010.

Công ty thường xuyên nhập khẩu nên chịu tác động của sự biến động của tỷ giá, tuy nhiên những biến động này thường diễn ra trong một khoảng thời gian ngắn và Công ty có thể hạn chế rủi ro bằng cách sử dụng các sản phẩm phái sinh trên thị trường tiền tệ.

Nợ vay của Infonet chủ yếu là vay ngắn hạn nên chịu sự tác động của biến động lãi suất, tuy nhiên, năm 2009 công ty tăng vốn điều lệ nâng tỷ lệ tham gia tài trợ của vốn chủ sở hữu cho các dự án tăng lên, điều này hạn chế sự tác động của biến động trên đối với kết quả sản xuất kinh doanh.

Đề xuất giá niêm yết là: 50.000 đồng/CP

8. GIỚI HẠN VỀ TỶ LỆ NẤM GIỮ ĐỐI VỚI NGƯỜI NƯỚC NGOÀI

Điều lệ Công ty Cổ phần Công nghệ mạng và truyền thông không quy định về giới hạn về tỷ lệ sở hữu của nhà đầu tư nước ngoài đối với cổ phần của Công ty.

Khi cổ phiếu của Infonet được niêm yết tại Sở Giao dịch Chứng khoán Tp Hồ Chí Minh, tỷ lệ nắm giữ của người nước ngoài tuân theo quy định hiện hành là 49% theo Quyết định số 55/2009/QĐ-TTg ngày 15/04/2009 của Thủ tướng Chính phủ về tỷ lệ tham gia của bên nước ngoài vào thị trường chứng khoán Việt Nam.

Theo đó, tổ chức, cá nhân nước ngoài mua, bán chứng khoán trên thị trường chứng khoán Việt Nam được nắm giữ tối đa 49% tổng số cổ phiếu đăng ký niêm yết của một tổ chức đăng ký niêm yết trên Sở Giao dịch Chứng khoán. Tại ngày 09/12/2009, tỷ lệ sở hữu của bên nước ngoài trong

Vốn điều lệ của Công ty là 0%.

9. CÁC LOẠI THUẾ CÓ LIÊN QUAN

Thuế thu nhập doanh nghiệp

Từ năm 2009, áp dụng luật thuế thu nhập doanh nghiệp ban hành ngày 03 tháng 6 năm 2008 và nghị định số 124/2008/NĐ-CP ngày 11 tháng 12 năm 2008 của Chính phủ quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều của Luật Thuế thu nhập doanh nghiệp. Theo thông tư số 03/2009/TT-BTC ngày 13 tháng 01 năm 2009 về việc hướng dẫn thực hiện giảm, gia hạn nộp thuế TNDN của Bộ tài chính, Công ty được tính giảm 30% số thuế TNDN phải nộp năm 2009.

Thuế giá trị gia tăng

Công ty nộp thuế giá trị gia tăng theo phương pháp khấu trừ. Thuế suất theo quy định hiện hành. (Luật Thuế giá trị gia tăng số 13/2008/QH12, Nghị định số 123/2008/NĐ-CP ngày 08/12/2008 của Chính phủ và thông tư số 129/2008/TT-BTC ngày 26/12/2008 của Bộ tài chính)

Thuế nhập khẩu

Thuế nhập khẩu được áp dụng đối với các máy móc, thiết bị nhập khẩu của công ty. Thuế suất áp dụng theo quy định hiện hành, mức thuế suất chủ yếu đối với các sản phẩm nhập khẩu của Công ty ở mức 6-7%.

Thuế áp dụng với các nhà đầu tư

Theo luật thuế thu nhập cá nhân, phải đóng thuế đối với thu nhập từ đầu tư vốn, từ chuyển nhượng vốn (bao gồm cả chuyển nhượng chứng khoán). Thời gian miễn thuế từ 01/01/2009 đến 31/12/2009. Từ 01/01/2010 phải nộp thuế thu nhập cá nhân theo quy định.

CÁC ĐỐI TÁC LIÊN QUAN TỚI VIỆC NIÊM YẾT

1. TỔ CHỨC TƯ VẤN

CÔNG TY TNHH MTV CHỨNG KHOÁN NGÂN HÀNG SÀI GÒN THƯƠNG TÍN – CHI NHÁNH HÀ NỘI

Trụ sở chính: Tầng 6, 7 số 88 Lý Thường Kiệt, Quận Hoàn Kiếm, Hà Nội

Điện thoại: 04.3942.8076

Fax: 04.3941.0233

Website: www.sbsc.com.vn

CÔNG TY TNHH CHỨNG KHOÁN NGÂN HÀNG SÀI GÒN THƯƠNG TÍN

Hội sở chính: 278 Nam Kỳ Khởi Nghĩa, phường 8, quận 3 thành phố Hồ Chí Minh

Điện thoại: (08) 62 68 68 68

Fax: (08) 62 55 59 39

Website: www.sbsc.com.vn

2. TỔ CHỨC KIỂM TOÁN

CÔNG TY TNHH KIỂM TOÁN VÀ TƯ VẤN THĂNG LONG

Trụ sở chính: Số 23/61 đường Trần Duy Hưng

Điện thoại: 04.6251.0008

Fax: 04.6251.1327

Website: www.thanglongaudit.com

VI. PHỤ LỤC

1. Bản sao hợp lệ Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh;
2. Nghị quyết ĐHĐCĐ số 04/2009/NQDHDCD ngày 25/9/2009 thông qua việc niêm yết cổ phiếu trên Sở giao dịch chứng khoán Hồ Chí Minh;
3. Điều lệ Công ty;
4. Báo cáo tài chính hợp nhất kiểm toán năm 2007, 2008, Báo cáo tài chính hợp nhất Quý 3/2009;
5. Báo cáo tài chính kiểm toán Công ty mẹ năm 2007, 2008, Báo cáo tài chính Quý 3/2009;
6. Kiểm toán vốn điều lệ 05/10/2009.